



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG  
DANANG WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY

# BÁO CÁO | 2021 THƯỜNG NIÊN

# MỤC LỤC

---

THÔNG TIN CHUNG	<i>Trang 1 - 7</i>
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	<i>Trang 8 - 17</i>
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	<i>Trang 18 - 26</i>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	<i>Trang 27 - 35</i>
QUẢN TRỊ CÔNG TY	<i>Trang 36 - 47</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	<i>Trang 48 - 93</i>

---

# THÔNG TIN CHUNG



## 1. Thông tin khái quát

### TÊN GIAO DỊCH:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0400101066 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 01/07/2010, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 01/11/2016.

Vốn điều lệ: 579.640.610.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 695.775.161.193 đồng

Địa chỉ: Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Số điện thoại: 0236.3697999

Số fax: 0236.3697222

Website: www.dawaco.com.vn

Mã cổ phiếu: DNN

### Quá trình hình thành và phát triển

**1945 - 1950:** Được hình thành vào khoảng những năm 1945-1950, hệ thống cấp nước Đà Nẵng lúc bấy giờ chủ yếu cung cấp nước cho khu vực trung tâm với các giếng khoan và hệ thống đường ống nhỏ bé.

**Trước 1954 - 1971:** Trước năm 1954 toàn thành phố đều sử dụng nước ngầm với 36 giếng khoan ở độ sâu 30-50m. Đến năm 1971 hai nhà máy khai thác nước sông Cẩm Lệ được xây dựng: Nhà máy nước Cầu Đỏ công suất 5.600 m<sup>3</sup>/ngày đêm và Nhà máy nước Sân Bay công suất 12.000m<sup>3</sup>/ngày đêm. Đơn vị quản lý hệ thống cấp nước Đà Nẵng lúc bấy giờ là Thủy cục Đà Nẵng.

**1975:** Thành phố Đà Nẵng được giải phóng, hệ thống cấp nước Đà Nẵng được giữ nguyên vẹn, chính quyền cách mạng tiếp quản và duy trì liên tục hoạt động sản xuất cấp nước, góp phần giữ gìn tình hình an ninh trật tự trong những ngày đầu thành phố mới được giải phóng. Và ngay sau đó, đơn vị quản lý hệ thống cấp nước thành phố được thành lập có tên gọi là Nhà máy nước Đà Nẵng thay thế cho Thủy cục Đà Nẵng của chế độ cũ, công suất cấp nước lúc đó khoảng 12.000 m<sup>3</sup>/ngày với 3.084 đồng hồ tiêu thụ của khách hàng.

**1979:** để đáp ứng yêu cầu phát triển, người dân thành phố cần có nước máy sử dụng, Ban lãnh đạo Nhà máy nước Đà Nẵng lúc đó đã tập trung vào công tác củng cố cơ sở vật chất kỹ thuật, cải tạo, mở rộng nâng công suất Trạm cấp nước Cầu Đỏ đạt mức 12.000 m<sup>3</sup>/ngày và Trạm cấp nước Sân Bay đạt mức 10.000 m<sup>3</sup>/ngày. Cùng với việc cải tạo mở rộng các trạm cấp nước, hệ thống đường ống cấp nước các loại cũng được thi công lắp đặt và đến năm 1985 tổng số đồng hồ khách hàng là 13.000 chiếc.

**1985:** Để đáp ứng yêu cầu phát triển của thành phố, UBND tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lúc bấy giờ đã thành lập Công ty Cấp nước Quảng Nam Đà Nẵng trên cơ sở Nhà máy nước Đà Nẵng được bổ sung nhiệm vụ và nâng cấp về quy mô tổ chức sản xuất kinh doanh. Được sự quan tâm của lãnh đạo cấp trên, Công ty Cấp nước Quảng Nam - Đà Nẵng đã triển khai các dự án với các công trình mang tính trọng điểm như: Trạm cấp nước Sơn Trà I, II, III, cải tạo nâng công suất Nhà máy nước Cầu Đỏ, Sân Bay, ... Dự án cấp nước thành phố Đà Nẵng giai đoạn I với các hạng mục công trình: Xây dựng trạm bơm phòng mặn tại An Trạch và tuyến ống nước thô D1200 với

công suất 250.000 m<sup>3</sup>/ngày; xây dựng mới nhà máy công suất 120.000 m<sup>3</sup>/ngày tại Nhà máy nước Cầu Đỏ...

**1990 - 2000:** Cùng với việc triển khai dự án, từ sau năm 1990, bộ máy tổ chức của Công ty cũng được củng cố và hoàn thiện, các Trạm cấp nước đổi tên thành các Nhà máy sản xuất nước, các Xí nghiệp được thành lập. Bắt đầu từ năm 2000, các Chi nhánh Cấp nước tại các quận, huyện được ra đời nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu quản lý và giao dịch với khách hàng.

**2010:** Ngày 14/06/2010, UBND thành phố Đà Nẵng ra Quyết định số 4411/QĐ-UBND về việc Phê duyệt Đề án chuyển Công ty Cấp nước Đà Nẵng (DNNN) thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cấp nước Đà Nẵng. Ngày 01/07/2010, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101066 lần đầu và chính thức hoạt động với hình thức Công ty TNHH MTV.

**2016:** UBND TP. Đà Nẵng ra Quyết định số 5354/QĐ-UBND ngày 09/08/2016 phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng thành CTCP Cấp nước Đà Nẵng. Ngày 18/10/2016, UBND TP. Đà Nẵng tiếp tục ra Quyết định số 7084/QĐ-UBND phê duyệt điều chỉnh Vốn Điều lệ và cơ cấu cổ phần phát hành lần đầu trong Phương án cổ phần hóa. Cơ cấu cổ phần phát hành lần đầu bao gồm: 60% Vốn Nhà nước, 5% bán cho người lao động Công ty và 35% bán cho cổ đông chiến lược.

**Ngày 29/10/2016:** Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng được tổ chức. Ngày 01/11/2016, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8, Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần với vốn điều lệ là 579.640.610.000 đồng.

**2017-nay:** Công ty đã đạt được nhiều đổi mới trong công tác điều hành và đầu tư nhiều công trình mang tính đột phá có thể kể đến như:

1/ Nâng cao năng lực sản xuất nước:

Hàng loạt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cấp nước được triển khai. Từ chỗ nước yếu, thiếu, nhiễm mặn, Dawaco đã nhanh chóng triển khai đầu tư nâng công suất thiết kế nhà máy nước Cầu Đỏ thêm 120.000 m<sup>3</sup>/ngày (từ 170.000 m<sup>3</sup>/ngày lên 290.000 m<sup>3</sup>/ngày); xây dựng nhà máy nước Hồ Hòa Trung công suất thiết kế 10.000 m<sup>3</sup>/ngày. Hiện, công suất cấp nước của Dawaco đạt từ 280.000 m<sup>3</sup>/ngày – 310.000 m<sup>3</sup>/ngày, cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân và doanh nghiệp. Cuối năm 2021, tổng công suất thiết kế các nhà máy nước sẽ đạt 346.000 m<sup>3</sup>/ngày, đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho đến năm 2025.

2/ Quyết liệt cải cách hành chính trong đầu tư XD CB

Do hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần nên Dawaco đã chủ động hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, rút ngắn thời gian đầu tư xây dựng các hạng mục cấp nước. Chủ động lựa chọn được những nhà thầu xây dựng có năng lực thực sự, lựa chọn công nghệ của những nước tiên tiến với giá cả cạnh tranh. Nhờ đó đã đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, nhanh chóng đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của thành phố.

Điển hình như các giải pháp đầu tư có quy mô cho các mạng lưới, các công trình tuyến ống truyền dẫn: Diuke D900 qua Sông Hàn, Diuke D1200 qua sông Cầu Đỏ bằng giải pháp ứng dụng công nghệ hiện đại khoan kéo ống sâu dưới lòng sông 5-7m mà không ảnh hưởng đến dòng chảy của sông. Đây là một giải pháp công nghệ tiên tiến và Dawaco tự hào là đơn vị tiên phong

trong ngành nước triển khai thực hiện giải pháp này; Đầu tư phát triển mạng lưới mạnh mẽ bao gồm 4 tuyến ống cấp nước chính cho khu vực Sơn Trà và Ngũ Hành Sơn, Tuyến ống cấp nước từ Nhà máy nước Hòa Liên về KCN Hòa Khánh; Từ khi cổ phần hóa đến nay, Công ty đã đầu tư thêm 285km đường ống lắp đặt mới và cải tạo, thay thế 95km đường ống cũ.

3/ Quyết liệt trong chỉ đạo chống thất thoát và thất thu:

Dawaco đã thành lập Ban chỉ đạo thống nhất đề ra hàng loạt giải pháp. Từ đó kiểm soát hiệu quả tỷ lệ thất thoát nước từ 17% năm 2016 xuống còn 14% trong năm 2018, bổ sung vào nguồn cấp hơn 3 triệu m<sup>3</sup>/năm. Đối với công tác chống thất thu, Ban điều hành tăng cường kiểm soát tiêu thụ nước và điều chỉnh áp giá nước, đảm bảo đúng với mục đích sử dụng nước, đã góp phần tăng doanh thu ngành nước thể hiện qua chỉ tiêu đơn giá nước bình quân từ 5.772 đồng/m<sup>3</sup> năm 2016 tăng lên 6.123 đồng/m<sup>3</sup> năm 2019. Từ chỗ có 4845 khách hàng năm 2016 thì đến tháng 12/2019 có 9.290 khách hàng dùng nước cho mục đích kinh doanh dịch vụ. Việc quyết liệt trong công tác chống thất thoát và thất thu đã góp phần tăng doanh thu lên gần 50 tỷ đồng.

4/ Tiên phong phát triển thanh toán không dùng tiền mặt

Hưởng ứng Đề án của Chính phủ về việc phát triển thanh toán không dùng tiền mặt, chỉ trong thời gian 8 tháng, Dawaco đã nhanh chóng, quyết liệt triển khai thành công Đề án dừng thu tiền nước tại nhà và chuyển sang thu qua ngân hàng, các quầy thu và các tổ chức trung gian. Tỷ lệ thu qua các tổ chức trung gian đến nay đã đạt 99%, chỉ còn 1% thu tại nhà các hộ neo đơn và người già. Điều này đã góp phần đáng kể trong công tác chống thất thu. Trong năm 2020, tỷ lệ tiền thu so với tổng tiền phải thu theo hóa đơn phát hành đạt 98,6%; tỷ lệ hóa đơn thu được tiền so với tổng số hóa đơn phát hành đạt 97,8%. Đây là thành công rất lớn của Dawaco góp phần giảm 80% chi phí thu hằng tháng (mỗi tháng có hơn 80 nhân viên đi thu tiền nước), là đơn vị tiên phong trong ngành nước thực hiện thắng lợi Đề án của Chính phủ.

5/ Nâng cao chất lượng nước và dịch vụ khách hàng

Nâng cao chất lượng nước và dịch vụ khách hàng là một trong những điểm nổi bật của DAWACO sau cổ phần hóa. Để nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, Dawaco cũng đã thành lập Trung tâm chăm sóc khách hàng qua Tổng đài điện thoại (Call Center) 1900 2345 22 để giải đáp và xử lý nhanh, gọn mọi thắc mắc của khách hàng cũng tạo được nhiều thiện cảm cũng như nhận được đánh giá cao về chất lượng dịch vụ cấp nước. Bên cạnh đó, DAWACO đã đầu tư nâng cấp bộ phận xét nghiệm nước thuộc Xí nghiệp sản xuất nước tại Nhà máy nước Cầu Đỏ thành Trung tâm Phân tích kiểm nghiệm LabDawaco phù hợp tiêu chuẩn chất lượng để kiểm nghiệm chất lượng nước đạt yêu cầu theo quy định của Bộ Y tế, và đã nhận được cấp Chứng chỉ công nhận là Trung tâm phân tích kiểm nghiệm đã được đánh giá và phù hợp các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 từ năm 2020.

6/ Năng động sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư

Sử dụng nguồn vốn đầu tư một cách hiệu quả đã thể hiện tính năng động đột phá của DAWACO trong thời gian qua. Với sự kiên trì, quyết tâm và nhất trí cao của HĐQT và Ban Điều hành Dawaco trong việc trình các cấp xin hủy bỏ các dự án vay vốn ODA của Nhật Bản đối với nhà máy nước Hòa Liên: nếu vay vốn ODA thì người dân phải trả 1 m<sup>3</sup> nước cao hơn so với Dawaco tự đầu tư 1.100 đồng/m<sup>3</sup>. Bên cạnh đó, Dawaco còn mạnh dạn ngừng sử dụng vốn vay ADB để tự đầu tư xây dựng mới mạng lưới đường ống truyền tải chính đã góp phần giảm kinh

phí đầu tư từ 40% đến 45% so với vay vốn ADB, đem lại hiệu quả đầu tư cao và lợi ích cho nhà nước, cổ đông và người dân, khách hàng sử dụng nước.

#### 7/ Sắp xếp lại lao động và bộ máy quản lý theo hướng chuyên môn hóa:

Sắp xếp lại lao động và bộ máy quản lý theo hướng chuyên môn hóa đã từng bước hoàn thiện cơ cấu tổ chức, giảm tối đa các bất cập, chồng chéo trong xử lý công việc, tạo môi trường làm việc gắn kết, phát huy cao nhất năng suất và hiệu quả làm việc của từng vị trí công việc vì mục tiêu phát triển chung của Công ty. Các Ban chuyên môn sau khi sắp xếp lại cơ cấu tổ chức đã phát huy được tính chủ động, linh hoạt và hiệu quả rõ rệt trong triển khai thực hiện nhiệm vụ, góp phần làm nên các thành quả của Dawaco trong thời gian sau cổ phần hóa. Ngoài ra, để nâng cao năng suất lao động và tiết kiệm chi phí, Dawaco đã ban hành các Quy chế, cơ chế tiền lương, đãi ngộ lao động, chính sách hỗ trợ đối với lực lượng lao động dôi dư, nghỉ hưu trước tuổi...

Có thể nói, công tác quản lý lao động của Dawaco sau cổ phần hóa đã đi vào nề nếp, năng suất lao động ngày càng tăng. Nếu tính theo sản lượng m<sup>3</sup> nước ghi thu hay trên số đồng hồ khách hàng thì Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng là một trong những đơn vị tiên phong trong việc sử dụng ít nhân lực nhất của ngành cấp nước.

#### 8/ Ứng dụng khoa học kỹ thuật và quản lý hệ thống cấp nước

Để hướng đến chuyên nghiệp hóa, áp dụng công nghệ 4.0 trong quản lý sản xuất cấp nước, Dawaco là một trong những đơn vị tiên phong của cả nước thành lập Trung tâm Quản lý vận hành Hạ tầng cấp nước, với chức năng quản lý hệ thống SCADA, điều khiển vận hành các nhà máy nước và các trạm bơm tăng áp trên hệ thống cấp nước với phương thức tự động hóa nhằm theo dõi áp lực, lưu lượng trên mạng lưới đường ống cấp nước; có kế hoạch vận hành tại các nhà máy nước, các trạm bơm tăng áp phù hợp với nhu cầu sử dụng nước trên mạng lưới; đảm bảo cấp nước, tiết kiệm nguyên vật liệu, hóa chất, điện năng tiêu thụ và phòng chống thất thoát hiệu quả hơn trên toàn bộ hệ thống.

#### 9/ Chuyển biến hiệu quả trong sản xuất kinh doanh

Nhờ quyết liệt trong chỉ đạo điều hành, triển khai đồng bộ các giải pháp, Dawaco sau cổ phần hóa đã thể hiện rõ năng lực hoạt động thông qua hiệu quả sản xuất kinh doanh được minh chứng qua các con số. Cụ thể như

- Sản lượng nước sản xuất 81 triệu m<sup>3</sup> (năm 2016) lên hơn 102 triệu m<sup>3</sup> (năm 2020)
- Tổng doanh thu tăng từ 408 tỷ đồng (năm 2016) lên 588 tỷ đồng (năm 2019).
- Lợi nhuận tăng đều mỗi năm từ 10%-15%
- Tỷ lệ thất thoát nước giảm từ 16,92% (đầu năm 2016) xuống còn 14% (năm 2018).
- Nộp ngân sách tăng từ 55 tỷ đồng (năm 2016) lên 140 tỷ đồng (năm 2019)
- Thu nhập bình quân người lao động tăng từ 10,9 triệu đồng/người/tháng lên 16,3 triệu đồng/người/tháng (năm 2020).

Dawaco là 1 trong 17 doanh nghiệp tại Đà Nẵng nằm trong Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cao nhất Việt Nam các năm 2018, 2019.

#### 10/ Thực hiện trách nhiệm với cộng đồng

Cùng với mục tiêu phát triển doanh nghiệp, công tác chăm lo cho cộng đồng cũng được



Dawaco chú trọng. Đơn vị phụng dưỡng 3 mẹ VNAH, và trong 5 năm qua, Dawaco đã dành 4 tỷ đồng tương đương 8.000 suất quà Tết cho các hộ nghèo ở Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam, 500 triệu đồng hỗ trợ Đà Nẵng phòng chống dịch Covid-19, đồng thời miễn toàn bộ hóa đơn tiền nước cho các hộ nghèo, cận nghèo trên toàn thành phố trong 3 tháng năm 2020 (từ tháng 4, tháng 5 và tháng 6) và trong 2 tháng năm 2021 (tháng 8, tháng 9), tương ứng số tiền gần 2,5 tỷ đồng.

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

### 2.1 Sản phẩm dịch vụ chính:

Công ty đang hoạt động kinh doanh trên các lĩnh vực sau:

- + Kinh doanh vật tư, thiết bị chuyên ngành xây dựng cấp thoát nước;
- + Sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác;
- + Lắp đặt xây dựng công trình cấp nước;
- + Lập dự án đầu tư xây dựng. Tư vấn, thiết kế và lập tổng dự toán các hệ thống công trình cấp thoát nước có quy mô vừa và nhỏ. Khảo sát địa hình, địa chất, thăm tra hồ sơ thiết kế dự toán, giám sát thi công, quản lý đầu tư xây dựng công trình cấp thoát nước từ nhóm B trở xuống;
- + Kiểm định, cân đo đồng hồ nước.

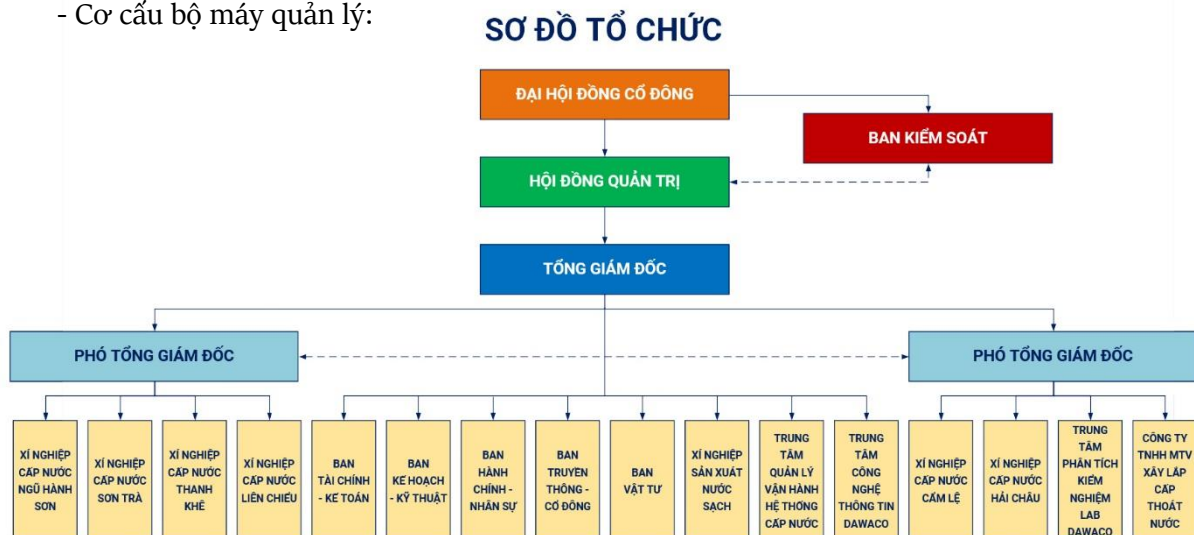
### 2.2 Địa bàn kinh doanh:

Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng có trụ sở chính đặt tại số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; có Xí nghiệp Sản xuất nước sạch, Công ty TNHH MTV Xây lắp Cấp Thoát nước Đà Nẵng, Xí nghiệp Cấp nước Cẩm Lệ, Xí nghiệp Cấp nước Hải Châu, Xí nghiệp Cấp nước Liên Chiểu, Xí nghiệp Cấp nước Ngũ Hành Sơn, Xí nghiệp Cấp nước Sơn Trà, Xí nghiệp Cấp nước Thanh Khê, tại địa bàn các quận và huyện Hòa Vang của thành phố Đà Nẵng.

## 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần. Theo đó, Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất, được tổ chức và hoạt động theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:





- Các công ty con, công ty liên kết: Công ty TNHH MTV Xây lắp Cấp thoát nước Đà Nẵng – Số 10 Trịnh Công Sơn, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Công ty con hoạt động với lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính là thi công và lắp đặt các tuyến ống cấp nước trên địa bàn thành phố...

#### 4. Định hướng phát triển

- Tập trung đẩy mạnh tiến độ thi công các công trình trọng điểm: Tuyến ống D500, D400 ven biển từ Hồ Xuân Hương đến Võ Quý Huân; Công trình Xây dựng hạ tầng kỹ thuật nhà máy nước Cầu Đỏ; Nâng công suất nhà máy nước Hoà Trung 10.000 m<sup>3</sup>/ngày lên 20.000 m<sup>3</sup>/ngày; Xây dựng cụm xử lý bùn NMN Cầu Đỏ.

- Triển khai thi công và hoàn thành việc đầu tư xây dựng dự án: Nâng công suất trạm bơm nước thô An Trạch lên 420.000 m<sup>3</sup>/ngày và tuyến ống nước thô D1200DI từ trạm bơm An Trạch về NMN Cầu Đỏ.

- Triển khai thi công và hoàn thành tuyến ống truyền tải phía Đông Nam thành phố, phối hợp với đơn vị tư vấn khẩn trương hoàn thiện hồ sơ quy hoạch chi tiết một số tuyến truyền tải mới. Triển khai thiết kế và thi công khi đủ điều kiện.

- Kiểm tra và đánh giá toàn diện các trạm cấp nước tại xã Hòa Phú và Hòa Bắc để xác định công suất và lựa chọn nguồn nước để nâng cấp cải tạo trạm xử lý nước tập trung cho từng xã ứng với công suất hiện có và định hướng cho tương lai.

- Hoàn thành công trình cải tạo nâng tầng tòa nhà làm việc Công ty tại số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh.

- Hoàn thành các thủ tục liên quan để thanh toán và quyết toán vốn đối với các dự án, công trình đã hoàn thành thi công và nghiệm thu đưa vào sử dụng.

- Thực hiện đầu tư phát triển cấp nước theo kế hoạch năm 2022.

- Tiếp tục phát triển ứng dụng đọc chỉ số đồng hồ kết hợp chăm sóc khách hàng. Ứng dụng Zalo, Viber... trong phát triển chuyên mục chăm sóc khách hàng và thu tiền nước nhằm hướng đến sự tương tác và phục vụ tốt hơn cho khách hàng.

- Đầu tư và phát triển các phần mềm quản lý và xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình chuyển đổi số của Công ty giai đoạn 2021-2026.

#### 5. Các rủi ro

1. Từ đầu năm 2020 đến nay, do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID nên nhu cầu sử dụng nước sạch của thành phố tăng trưởng thấp (Ngành du lịch dịch vụ; giáo dục; sản xuất của các nhà máy, xí nghiệp không hoạt động). Thêm vào đó, nguồn nguyên liệu hóa chất xử lý nước, vật tư thiết bị để đầu tư phát triển hệ thống cấp nước theo kế hoạch năm bị ảnh hưởng do thiếu nguồn cung ứng.

2. Việc xâm nhập mặn đến sớm và mức độ nhiễm mặn cao hơn nhiều so với các năm trước cùng với hoạt động của các hồ thủy điện đầu nguồn đã gây ảnh hưởng lớn đến nguồn cấp nước cho thành phố (cả về lưu lượng và chất lượng).

3. Thủ tục quản lý đầu tư xây dựng hiện hành còn mất nhiều thời gian, dẫn đến tiến độ thực hiện một số dự án trễ, không kịp thời đáp ứng được nhu cầu phát triển cấp nước của thành phố.

4. Một số quy định về khoảng cách bố trí các công trình hạ tầng gây khó khăn cho việc phát triển các tuyến ống cấp nước trong điều kiện không gian dành cho công trình hạ tầng ở đô thị hiện nay rất hạn chế.

5. Mạng lưới đường ống tại một số khu vực còn bất cập, chưa đảm bảo tính chuyển dẫn và phân phối nên rất khó khăn trong việc điều tiết mạng lưới khi cần thiết. Một bộ phận mạng lưới đường ống cấp nước cũ, qua nhiều thời kỳ xuống cấp vẫn chưa được cải tạo thay thế đã làm cho chất lượng nước thiếu tính ổn định và gây thất thoát nước. Việc cải tạo các tuyến cũ dưới vỉa hè, đường nhựa để giảm thất thoát và nâng cao chất lượng nước còn gặp nhiều khó khăn.

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



## 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Các hoạt động của Công ty đã có nề nếp được xây dựng và duy trì từ nhiều năm trước. Khi triển khai nhiệm vụ năm 2020, dưới sự giám sát chỉ đạo điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty, các đơn vị trong Công ty tiếp tục phát huy và từng bước có sự đổi mới nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, công tác sản xuất, nâng cao năng suất lao động;

1.2 Công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy, lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, sự hỗ trợ nhiệt tình của các cơ quan ban ngành trong thành phố đã tạo nhiều điều kiện cho Công ty thực hiện hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2020;

1.3 Đội ngũ CBCNV Công ty về cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc, khắc phục những khó khăn, từng bước thực hiện hoàn thành kế hoạch đề ra;

1.4 Việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của một số Ban chuyên môn đã tạo được sự thuận lợi và tính chủ động trong triển khai các nhiệm vụ;

1.5 Các Công ty, Xí nghiệp trực thuộc đều có sự nỗ lực cố gắng lớn trong thực hiện nhiệm vụ được giao;

1.6 Các dự án đầu tư được đưa vào sử dụng đã phát huy được hiệu quả, góp phần đáp ứng nhu cầu và đảm bảo cung cấp nước cho thành phố.

### ♣ Cơ cấu doanh thu thuần:

ĐVT: Triệu đồng			
Stt	Doanh thu thuần	Năm 2020	Năm 2021
1	Doanh thu ngành nước	485.776	461.280
2	Doanh thu ngành xây lắp	3.070	3.359
<b>Tổng cộng</b>		<b>488.846</b>	<b>464.639</b>

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1 Danh sách Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng:

Stt	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Hồ Minh Nam	Tổng giám đốc
2	Ông Lê Đức Quý	Phó Tổng giám đốc
3	Ông Trần Phước Thương	Phó Tổng giám đốc
4	Ông Phan Thịnh	Kế toán trưởng

### 1/ Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc:

Họ và tên: **HỒ MINH NAM**

Ngày sinh: 10/11/1975      Giới tính: Nam

Số CMND: 201204018      Cấp ngày: 19/12/2006      Nơi cấp: CA TP Đà Nẵng

Dân tộc: Kinh      Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Tam Hải, Núi Thành, Quảng Nam

Nơi ở hiện tại: Hải Phòng, P. Thạch Thang, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng



❖ **Trình độ:**

Văn hóa: 12/12

Chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật cơ sở hạ tầng

❖ **Chức vụ hiện nay tại công ty:** Đảng ủy viên, Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty

❖ **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không

❖ **Quá trình công tác:**

1975 - 1978 Còn nhỏ ở với cha mẹ tại Hà Nội, vào Đà Nẵng cùng gia đình năm 1987

1978 - 1995 Học sinh cấp I, cấp II, cấp III tại TP Đà Nẵng

1995 - 2016 Bắt đầu làm việc tại Công ty Cấp nước Đà Nẵng nay là Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng

2001 Tốt nghiệp đại học Kỹ sư đô thị, chuyên ngành Cấp thoát nước tại trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, hệ vừa học vừa làm

6/2001 - 10/2004 Công tác tại Ban QLDA cấp nước Đà Nẵng

10/2004 - 12/2005 Được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó giám đốc Xí nghiệp Xây lắp thuộc Công ty Cấp nước Đà Nẵng

12/2005 - 10/2016 Được bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng chi nhánh Cấp nước Liên Chiểu thuộc Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng

06/2012 - 10/2014 Học cao học chuyên ngành Kỹ thuật cơ sở hạ tầng đô thị tại trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

11/2016 - 10/2021 Đảng ủy viên, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng.

11/2021 - nay Đảng ủy viên, Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng.

**2/ Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc**

Họ và tên: **LÊ ĐỨC QUÝ**

Ngày sinh: 01/01/1964 Giới tính: Nam

Số CMND: 200020492 Cấp ngày: 25/4/2002 Nơi cấp: CA TP Đà Nẵng

Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Hòa Quý - Ngũ Hành Sơn - Đà Nẵng

Nơi ở hiện tại: K44/17 Nguyễn Thành Hãn, P. Hòa Thuận Tây, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

❖ **Trình độ:**

Văn hóa: 12/12

Chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

❖ **Chức vụ hiện nay tại công ty:** Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

❖ **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không

❖ **Quá trình công tác:**

1964 - 1981 Còn nhỏ ở với gia đình, đi học và tốt nghiệp PTTH



1981 - 1985	Học và tốt nghiệp Trường Đại học Tài chính-Kế toán TP.Hồ Chí Minh
5/1987 - 6/1996	Chuyên viên phòng Kế hoạch, Sở Xây dựng tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng kiêm nhiệm Kế toán trưởng BQL các công trình xây dựng, BQL vốn quy hoạch thuộc Sở Xây dựng.
7/1996 - 12/1999	Kế toán trưởng, phó phòng Kế hoạch Tài chính, viện quy hoạch đô thị và nông thôn Đà Nẵng
01/2000 - 04/2006	Kế toán trưởng, trưởng phòng Kế hoạch - Tài vụ, Viện quy hoạch xây dựng Đà Nẵng
5/2006 - 6/2007	Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tổng hợp, Viện quy hoạch xây dựng Đà Nẵng
7/2007 - 3/2013	Phó viện trưởng Viện quy hoạch xây dựng Đà Nẵng
4/2013 - 10/2016	Trưởng phòng Kế toán tài chính, Sở xây dựng Đà Nẵng
11/2016 - 03/2020	Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng
04/2020 - 10/2021	Quyền Chủ tịch HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng
Từ 11/2021 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng

### 3/Phó tổng giám đốc

Họ và tên: **TRẦN PHƯỚC THƯƠNG**

Ngày sinh: 01/01/1966      Giới tính: Nam

Số CMND: 200828004      Cấp ngày: 26/07/2011      Nơi cấp: CA TP Đà Nẵng

Dân tộc: Kinh      Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Hòa Nhơn - Hòa Vang - Đà Nẵng

Nơi ở hiện tại: 205 Phan Đăng Lưu, TP. Đà Nẵng

#### ❖ Trình độ:

Văn hóa: 12/12

Chuyên môn: Kỹ sư Hóa, Cử nhân Kinh tế (Quản trị kinh doanh)

#### ❖ Chức vụ hiện nay tại công ty: Đảng ủy viên, Phó Tổng Giám đốc Công ty

#### ❖ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

#### ❖ Quá trình công tác:

1966 - 1984      Còn nhỏ, ở với gia đình, học và tốt nghiệp PTTH

1984 - 1989      Học và tốt nghiệp Đại học Bách khoa Đà Nẵng, chuyên ngành Hóa

12/1990 - 4/1994      Cán bộ Kỹ thuật, Quản đốc phân xưởng Nhà máy Thuốc lá Đà Nẵng

4/1994 - 3/1998      Quản đốc Nhà máy xi măng Hòa Khương; Trưởng phòng Marketing Nhà máy xi măng Hòa Khương; Trưởng phòng Tổng hợp Nhà máy xi măng Hòa Khương

4/1998 - 10/2001      Phó Chủ tịch Công đoàn ngành Xây dựng TP.Đà Nẵng

11/2001 - 3/2008 Phó Trưởng phòng Tổ chức hành chính, Công ty Cấp nước Đà Nẵng  
 4/2008 - 10/2016 Đảng ủy viên, Trưởng phòng Tổ chức hành chính, Công ty TNHH MTV Cấp nước ĐN  
 Từ 11/2016 - nay Đảng ủy viên, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng.

#### 5/ Kế toán trưởng:

Họ và tên: **PHAN THỊNH**

Ngày sinh: 04/01/1969 Giới tính: Nam

Số CMND: 201916830 Cấp ngày: 12/10/2002 Nơi cấp: CA TP Đà Nẵng

Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Hòa Thọ, Hòa Vang, Đà Nẵng

Nơi ở hiện tại: 300 Núi Thành, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

#### ❖ Trình độ:

Văn hóa: 12/12

Chuyên môn: Cử nhân kinh tế

❖ **Chức vụ hiện nay tại công ty:** Đảng ủy viên, Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Tài chính - Kế toán

❖ **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không

#### ❖ Quá trình công tác:

1969 - 1987 Còn nhỏ ở với gia đình, học và tốt nghiệp PTTH

1987 - 1991 Học và tốt nghiệp Đại học Kinh tế, chuyên ngành Tài chính-Kế toán

07/1993 - 3/2003 Nhân viên phòng Kế toán Công ty Cấp nước Đà Nẵng

04/2003 - 12/2003 Phó Trưởng phòng Kế toán Công ty Cấp nước Đà Nẵng

01/2004 - 08/2006 Quyền Kế toán trưởng Công ty Cấp nước Đà Nẵng

09/2006 - đến nay Đảng ủy viên, Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Tài chính - Kế toán Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng.

#### 2.2 Tình hình nhân sự và các chính sách đối với người lao động:

❖ Tình hình nhân sự (tính đến ngày 31/12/2021)

Stt	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>A</b>	<b>Theo trình độ</b>	<b>497</b>	<b>100</b>
1	Đại học và sau đại học	219	44,06
2	Cao đẳng, trung cấp	132	26,56
3	Công nhân kỹ thuật	44	8,85
<b>B</b>	<b>Phân loại theo giới tính</b>		
1	Nam	344	69,01
2	Nữ	153	30,78

❖ Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm (đồng/người/tháng)

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
Tổng số lượng người lao động (người)	532	497
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	16.248.000	15.830.000

#### ❖ Chính sách nhân sự

- Tiếp tục sắp xếp lại lao động và hoàn thiện bộ máy quản lý, cơ cấu tổ chức nhằm giảm tối đa các bất cập, chùng chေo trong xử lý công việc, tạo môi trường làm việc gắn kết, phát huy năng suất và hiệu quả làm việc của người lao động vì mục tiêu phát triển Công ty ngày càng vững mạnh. Thành lập mới Ban vật tư và Trung tâm Công nghệ thông tin để thực hiện tốt hơn nhiệm vụ cụ thể trong thời gian đến.

Nhìn chung, công tác quản lý lao động của Công ty đã đi vào nề nếp, năng suất lao động ngày càng tăng. Nếu tính theo sản lượng m<sup>3</sup> nước ghi thu thì Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng là một trong những đơn vị tiên phong trong việc sử dụng ít nhân lực nhất của ngành cấp nước.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Công tác đầu tư các dự án nâng công suất các nhà máy nước để nâng cao năng lực sản xuất cấp nước và phát triển mở rộng mạng lưới đường ống của Công ty tuân thủ theo quy hoạch cấp nước chuyên ngành đã được UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt theo Quyết định 9018/QĐ-UBND ngày 28/12/2016.

3.1. Đã đầu tư khoảng 516,253 tỷ đồng (giá trị thực hiện sau đấu thầu) cho xây dựng nâng công suất các nhà máy nước, phát triển mở rộng mạng lưới tuyến ống truyền dẫn chính và phát triển, cải tạo mạng truyền tải các khu vực. Bao gồm:

- Hoàn thành dự án Nâng công suất nhà máy nước Cầu Đỏ thêm 60.000m<sup>3</sup>/ngày - GD2 và đã đưa vào vận hành chính thức trong tháng 07/2021 và tính đến tháng 8/2021, Công ty đã hoàn thành công suất cấp nước của NMN Cầu Đỏ theo Quy hoạch cấp nước của thành phố đến năm 2025.

- Nhiều tuyến ống chuyển tải, phân phối nước sạch được đầu tư lắp đặt góp phần giảm tình trạng nước yếu, thiếu nước cục bộ tại một số khu vực dân cư và nâng cao chất lượng nước. Công ty cơ bản đã đáp ứng công suất cấp nước bình quân từ 280.000 - 310.000m<sup>3</sup>/ngày; duy trì ổn định và phát huy tốt năng lực sản xuất và đã triển khai thi công nhiều công trình:

(1) Thi công hoàn thành và đưa vào vận hành (trong tháng 2/2021) tuyến ống cấp nước D500-400 DI đường Võ Nguyên Giáp – Hoàng Sa (đoạn từ đường Hồ Xuân Hương đến đường Nguyễn Phan Vinh) với tổng chiều dài 6.952m, giúp tăng cường áp lực lưu lượng cho khu vực quận Ngũ Hành Sơn và quận Sơn Trà.

(2) Triển khai thi công tuyến ống cấp nước D400 DI đường Võ Nguyên Giáp – Trường Sa (đoạn từ Hồ Xuân Hương đến Võ Quý Huân) để đảm bảo cung cấp nước cho khu vực quận Ngũ Hành Sơn. Hiện khối lượng thi công đạt 79%, dự kiến đưa vào vận hành trong tháng 4/2022.

(3) Thi công hoàn thành tuyến ống cấp nước D1200-1000-800DI đường Thăng Long (đoạn từ Nhà máy nước Cầu Đỏ đến cầu Tiên Sơn) và đã đưa vào sử dụng trong tháng 3/2022.

(4) Thi công hoàn thành tuyến ống cấp nước D1200-800DI Hòa Liên (đoạn từ NMN Hòa Liên đến đường số 2 KCN Hòa Khánh) và hiện nay đã đủ điều kiện để đưa vào sử dụng.



(5) Hoàn thành các thủ tục pháp lý và tổ chức đấu thầu dự án: Nâng công suất trạm bơm nước thô An Trạch lên 420.000m<sup>3</sup>/ngày và tuyến ống nước thô D1200DI từ trạm bơm An Trạch về NMN Cầu Đò. Công ty đã tổ chức khởi công dự án vào tháng 3/2022.

(6) Hoàn thành các thủ tục pháp lý và đấu thầu, triển khai thi công công trình: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật nhà máy nước Cầu Đò (hệ thống đường giao thông nội bộ, thoát nước mưa, điện chiếu sáng) vào đầu tháng 3/2022.

(7) Hoàn thành các thủ tục pháp lý và tổ chức đấu thầu hạng mục: Cụm xử lý bùn cho NMN Cầu Đò thuộc dự án Nâng công suất lên 230.000m<sup>3</sup>/ngày. Công ty đã tổ chức khởi công xây dựng vào tháng 3/2022.

3.2. Công ty đã đầu tư 34,791 tỷ đồng để phát triển và cải tạo mạng lưới đường ống phân phối, lắp đặt và sửa chữa, thay thế đồng hồ điện từ để kiểm soát thất thoát nước; mua sắm mới, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị, máy móc và cải tạo, nâng cấp các công trình xử lý tại các nhà máy, trạm cấp nước đảm bảo hoạt động cấp nước liên tục, an toàn. Trong đó:

Đầu tư 33,307 tỷ đồng cho phát triển và cải tạo mạng lưới đường ống đường ống phân phối các khu vực với chiều dài đường ống lắp đặt mới 38,863 km và chiều dài đường ống cải tạo là 26,1 km. Trong đó:

+ Vùng Hải Châu: Đầu tư 6,532 tỷ đồng, chiều dài đường ống lắp đặt mới 2,54 km và cải tạo 10,173 km;

+ Vùng Thanh Khê: Đầu tư 3,595 tỷ đồng, chiều dài đường ống lắp đặt mới 2,899 km và cải tạo 3,103 km;

+ Vùng Liên Chiểu: Đầu tư 7,857 tỷ đồng, chiều dài đường ống lắp đặt mới 12,215 km và cải tạo 4,084 km;

+ Vùng Cẩm Lệ: Đầu tư 7,195 tỷ đồng, chiều dài đường ống lắp đặt mới 11,347 km và cải tạo 4,997 km;

+ Vùng Sơn Trà: Đầu tư 4,046 tỷ đồng, chiều dài đường ống lắp đặt mới 4,217 km và cải tạo 2,688 km;

+ Vùng Ngũ Hành Sơn: Đầu tư 4,082 tỷ đồng, chiều dài đường ống lắp đặt mới 5,647 km và cải tạo 1,056 km.

3.3. Đã đầu tư 2,98 tỷ đồng từ nguồn vốn Công ty để tiếp tục hoàn thiện việc nâng cấp cải tạo văn phòng làm việc Công ty cho phù hợp với quy mô doanh nghiệp và tổ chức hợp lý công năng sử dụng, tạo thuận lợi cho công việc, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý; đồng thời góp phần tạo dựng bộ mặt khang trang, sạch đẹp, văn minh hiện đại cho doanh nghiệp.

3.4. Hoàn thành xây dựng mới toàn bộ phần tường rào, cổng ngõ, nhà bảo vệ và tường chắn đất phía Nam nhà máy nước Cầu Đò, tạo bộ mặt mới cho nhà máy và khớp nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật với khu vực xung quanh với tổng mức đầu tư 2,72 tỷ đồng.

3.5. Lắp đặt hệ thống điều khiển SCADA cho cửa thu nước NMN Cầu Đò để vận hành tự động hóa việc lấy nước khi nhiễm mặn.

3.6. Hoàn thành thi công lắp đặt hệ thống xử lý bùn tại NMN Sân Bay, hiện nay đang vận hành hiệu chỉnh để sớm đưa vào vận hành chính thức.

3.7. Nâng cấp, sửa chữa cải tạo các cơ sở sản xuất, văn phòng các Xí nghiệp đảm bảo ổn định và an toàn sản xuất cho người lao động.

#### 4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021
1	Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	1.298.387	1.484.785
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	491.315	467.307
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	155.108	126.134
4	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	5.653	10.664
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	160.761	136.798
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	142.280	121.412
7	Tỷ lệ cổ tức	%	19,7	19,7

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,9	2,35
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,39	2,18
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	41,83	47,37
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	71,9	90,00
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,36	3,97
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,39	0,33
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	28,96	25,981
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	18,81	15,50
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	11,11	8,57
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/Doanh thu thuần	%	31,57	26,99

#### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

- + Cổ phần phổ thông: 57.964.061 cổ phần
- + Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần
- + Số lượng cổ phần đang lưu hành: 57.964.061 cổ phần
- + Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- + Mệnh giá: 10.000 VNĐ
- + Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 1.941.300 CP (3,35% Vốn điều lệ Công ty).



## b) Cơ cấu cổ đông

(đến ngày 31/12/2021)

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>57.964.061</b>	<b>579.640.610.000</b>	<b>100</b>
1	Nhà nước	34.824.217	348.242.170.000	60,08
2	Cá nhân	2.853.100	28.531.000.000	4,92
3	Tổ chức	20.286.744	202.867.440.000	35,00
<b>III</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	-	-	-
1	Cá nhân	-	-	-
2	Tổ chức	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>57.964.061</b>	<b>579.640.610.000</b>	<b>100</b>

## c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Không có.

## d) Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có.

## e) Các chứng khoán khác

Không có.

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

### 6.1 Đối với môi trường

- + Là một doanh nghiệp sử dụng tài nguyên nước khá lớn trên địa bàn, Công ty xác định việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước là trách nhiệm và quyền lợi của doanh nghiệp, ngoài việc phối hợp với các ngành chức năng để bảo vệ khai thác nguồn nước hiệu quả, tiết kiệm, hạn chế ô nhiễm nguồn nước. Công ty thường xuyên kiểm tra chất lượng nguồn nước thô, quan tâm công tác xả thải nhằm hạn chế thấp nhất ô nhiễm môi trường.
- + Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là cung cấp nước sạch, một sản phẩm thiết yếu cho nhu cầu sinh hoạt hằng ngày của người dân, do đó ngoài hoạt động kinh doanh, Công ty còn phải đảm bảo vai trò phục vụ an sinh xã hội, Công ty sẽ nỗ lực để nhân dân trong khu vực được sử dụng nước sạch, góp phần cùng cơ quan ban ngành chức năng cải thiện môi trường sống và chăm lo sức khỏe cho nhân dân.
- + Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hàng năm, công nghệ sản xuất nước sạch của Công ty phù hợp với tiêu chuẩn môi trường theo quy định. Ngoài ra các đoàn kiểm tra giám sát về môi trường của tỉnh và cơ quan thẩm quyền thường xuyên đến Công ty kiểm tra đã đánh giá Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo vệ sinh và môi trường.

### 6.2 Chính sách liên quan đến người lao động

- + Công ty đã thực hiện tốt việc đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động, đặc biệt số lao động thời vụ lâu năm cũng đã được ký hợp đồng và đóng bảo hiểm xã hội. Đoàn kiểm tra của Bảo hiểm xã hội thành phố Đà Nẵng cũng đã đánh giá

tốt việc thực hiện các chế độ chính sách về pháp luật lao động và bảo hiểm xã hội của Công ty. Ngoài ra, Công ty còn mua bảo hiểm con người cho toàn thể CBCNV với mức 260.000đ/người/năm. Phối hợp với Công đoàn giải quyết trợ cấp khó khăn cho 322 lượt CBCNV hoặc người thân đau ốm với tổng số tiền là 226 triệu đồng từ quỹ phúc lợi.

- + Tuyên truyền, giáo dục CBCNV chấp hành đúng các quy định về bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, đồng phục cho CBCNV Công ty trong năm 2020.
- + Thực hiện tốt công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho người lao động. Công ty cũng đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV vào những thời điểm phù hợp đảm bảo an toàn về phòng chống dịch bệnh theo quy định.
- + Cùng với mục tiêu phát triển doanh nghiệp, Công ty tiếp tục làm tốt công tác xã hội, chăm lo cộng đồng thông qua việc thăm hỏi, hỗ trợ, giúp đỡ các tổ chức từ thiện, phụng dưỡng mẹ VNAH và các hộ nghèo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam.

### **6.3 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:**

- + Hằng năm ủng hộ 1 tỷ đồng chăm lo Tết cho các hộ nghèo tại 6 quận trên địa bàn thành phố, 1 huyện Hòa Vang và xã Đại Nghĩa thuộc tỉnh Quảng Nam do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại các quận huyện kêu gọi.
- + Đóng góp các chương trình ủng hộ từ thiện cho CBCNV có hoàn cảnh khó khăn.
- + Tiếp tục chăm lo phụng dưỡng cho 3 Mẹ Việt Nam Anh Hùng...

# BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



## 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % so với KH
1	Nước sản xuất	Triệu m <sup>3</sup>	100,302	100,602	100,30
2	Nước ghi thu	Triệu m <sup>3</sup>	84,413	84,436	100,03
3	Tỷ lệ thất thoát	%	15,84	15,70	Thấp hơn 0,14
4	Doanh thu ngành nước	Tỷ đồng	471,269	461,280	97,88
5	Doanh thu xây lắp (không tính Dawacon)	Tỷ đồng	2,400	3,359	140,0
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	120,000	136,798	114,0
7	Các khoản nộp ngân sách	Tỷ đồng	130,000	172,507	132,7
8	Thu nhập bình quân /người/tháng	Triệu đồng	16,6	15,831	95,4

### 1.1 Những thuận lợi và khó khăn

#### Thuận lợi

1. Sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt và kịp thời của Hội đồng Quản trị cùng với sự linh hoạt của Ban Điều hành trong đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao hiệu quả công tác quản lý và thúc đẩy năng suất lao động.

2. Đội ngũ CBCNV Công ty có năng lực, kinh nghiệm, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao, giải quyết nhanh, kịp thời các tình huống, các sự cố phát sinh trong sản xuất.

3. Sự chủ động trong việc xây dựng kế hoạch, chiến lược sản xuất kinh doanh hàng năm và dài hạn cùng với ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm cao của người lao động và các cấp quản lý đã tạo thuận lợi trong việc hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch được giao.

#### Khó khăn

1. Trong năm 2021, đặc biệt là từ tháng 5/2021, tình hình dịch COVID diễn biến phức tạp đã dẫn đến nhu cầu lượng nước tiêu thụ cho kinh doanh dịch vụ (khách sạn, cửa hàng ăn uống...) và cho sản xuất (các nhà máy/xưởng sản xuất...) bị tụt giảm nghiêm trọng đã ảnh hưởng đáng kể đến sản lượng nước sản xuất của Công ty. Ngoài ra còn ảnh hưởng đến công tác đầu tư phát triển mở rộng mạng lưới và phòng chống thất thoát nước theo kế hoạch đã đề ra.

2. Tình hình nhiễm mặn diễn biến kéo dài, thêm vào đó đập Đại Cường bị xói lở làm sụt giảm lưu lượng nước thô từ trạm An Trạch cấp cho nhà máy nước Cầu Đỏ.

3. Giá cả vật tư hàng hóa trên thị trường luôn biến động tăng, trong khi giá nước chưa được điều chỉnh nên ảnh hưởng đến nguồn vốn đầu tư của Công ty.

4. Mạng lưới đường ống cấp nước tại một số khu vực còn bất cập, gây khó khăn trong điều tiết mạng lưới. Một bộ phận mạng lưới đường ống cấp nước cũ, qua nhiều thời kỳ xuống cấp vẫn chưa được cải tạo thay thế đã làm cho chất lượng nước không ổn định và gây thất thoát nước, việc nâng cấp cải tạo và thay thế các tuyến cũ trên các tuyến đường còn nhiều khó khăn.

## 2. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	ĐVT: Triệu đồng	
			Tỷ trọng Năm 2020	Tỷ trọng Năm 2021
Tài sản ngắn hạn	703.001	581.095	52,11	39,14%
Tài sản dài hạn	646.020	903.689	47,89	60,86%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.349.021</b>	<b>1.484.785</b>	<b>100,00</b>	<b>100%</b>

Tài sản dài hạn chủ yếu đến từ khoản mục tài sản cố định. Cụ thể như sau:

TSCĐ hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	ĐVT: Triệu đồng
			Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	168.639	33.842	0,20
Máy móc thiết bị	122.154	68.641	0,56
Phương tiện vận tải truyền dẫn	1.349.670	318.631	0,24
Thiết bị, dụng cụ quản lý	6.315	1.468	0,23
TSCĐ khác	227	444	1,96
<b>Cộng</b>	<b>1.647.505</b>	<b>423.026</b>	<b>0,26</b>

TSCĐ vô hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	ĐVT: Triệu Đồng
			Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Phần mềm kế toán	54	0	0
Phần mềm quản lý	8907	688	0,08
<b>Cộng</b>	<b>8961</b>	<b>688</b>	<b>0,08</b>

### b) Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	ĐVT: Triệu đồng	
			Tỷ trọng	
			Năm 2020	Năm 2021
Nợ ngắn hạn	180.175	247.013	31,93	35,12
Nợ dài hạn	384.080	456.302	68,07	64,88
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>564.255</b>	<b>703.315</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

### 3.1 Công tác quản lý

❖ Sản xuất nước và vận hành cấp nước:

- Duy trì ổn định sản xuất tại các nhà máy và trạm cấp nước. Kiểm soát tốt việc tiêu thụ điện năng, hóa chất luôn dưới định mức quy định của nhà nước.

- Phát huy và vận hành hiệu quả cửa thu nước NMN Cầu Đỏ đảm bảo việc thu nước thô cho NMN Cầu Đỏ và Sân Bay, giúp tăng khai thác nguồn nước thô và giảm bơm nước ngọt từ trạm bơm phòng mặn An Trạch, giảm chi phí sản xuất (chi phí điện năng, mua nước thô...).

- Hoàn thành thi công đắp đập tạm Quảng Huế góp phần xử lý tình trạng nhiễm mặn nguồn nước tại cửa thu nước Cầu Đỏ đảm bảo nguồn cấp nước cho thành phố trong mùa hè năm 2021.

- Đầu tư lắp đặt, đưa vào vận hành hệ thống bơm cấp nước suối cho trạm cấp nước Khe Lạnh đảm bảo cấp nước liên tục cho khu vực xã Hòa Ninh.

- Hoàn thành lắp đặt hệ thống châm Clo tự động cho NMN Hải Vân.

- Triển khai lắp đặt bơm nước sạch mới và cải tạo cụm lọc áp lực để tăng công suất cấp nước sạch cho trạm cấp nước Phú Sơn.

- Trung tâm QLVH thực hiện tốt công tác quản lý vận hành tập trung, hệ thống SCADA phát huy hiệu quả công tác vận hành nhất là trong giai đoạn dịch bệnh vừa qua.

- Đã hoàn thành tiếp nhận HTCN xã Hòa Phú và Hòa Bắc và Công ty đã đầu tư nâng cấp và đầu tư mới một số hạng mục để nâng cao chất lượng nước và đảm bảo công tác cung cấp nước được an toàn liên tục cho khách hàng.

- Trong năm 2021, tổng số giờ chạy bơm An Trạch (tính cho cả 6 bơm) là 5.636 giờ với lượng nước bổ sung từ đập An Trạch là 16,58 triệu m<sup>3</sup>. Lượng điện tiêu thụ để vận hành máy bơm 1,11 triệu kWh.

Nhìn chung, công tác sản xuất và cung cấp nước sạch của Công ty trong năm 2021 tương đối ổn định. Công ty đã xây dựng các kịch bản ứng phó nhằm phòng ngừa, giảm thiểu, loại bỏ các nguy cơ, rủi ro gây mất an toàn cấp nước, trình các cơ quan chức năng phê duyệt và triển khai thực hiện đã góp phần đảm bảo an ninh, an toàn nguồn cấp nước sạch cho thành phố.

#### ❖ Công tác quản lý chất lượng nước:

- Trong năm 2021, đã có đến 6 tháng nguồn nước sông tại cửa thu Cầu Đỏ có độ mặn cao hơn 1.000mg/l, độ mặn cao nhất được ghi nhận (vào tháng 4) là 10.657mg/l. Các tháng 3, tháng 4 và tháng 7 có đến 30-31 ngày/mỗi tháng nước bị nhiễm mặn. Tổng số ngày nhiễm mặn là 147 ngày và có 47 ngày trạm bơm phòng mặn An Trạch phải chạy bơm 24/24. Công ty đã kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguồn nước thô đảm bảo nước cấp cho thành phố không bị nhiễm mặn.

- Có giải pháp kịp thời khắc phục sự cố nguồn nước thô hồ Hòa Trung bị mùi và nhiễm Sắt, Mangan đảm bảo chất lượng nước sạch cấp vào mạng lưới. Việc tăng cường kiểm soát chất lượng nước trên mạng lưới phân phối đã giúp xử lý kịp thời các trường hợp nước cấp cho khách hàng không đạt chất lượng.

- Trung tâm phân tích kiểm nghiệm nước (LabDawaco) đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2017 đã từng bước chủ động, cải thiện hiệu quả công tác quản lý và giám sát chất lượng nước trên toàn hệ thống cấp nước thành phố, góp phần đảm bảo sự ổn định về chất lượng nước sạch cấp cho khách hàng.

### **3.2 Công tác giảm thất thoát, thất thu**

- Trong năm 2021, Công ty đã tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát rò rỉ, các điểm xì vỡ và xác định khu vực thất thoát cao để khoanh vùng xử lý khắc phục thất thoát cơ học. Đã phát hiện và sửa chữa 8.948 điểm ống bể, trong đó có 279 điểm ống bể lớn (D≥100); Thay thế 12.114



đồng hồ chạy không chính xác; Cải tạo, thay thế 26,1 km đường ống cũ, hư hỏng, kém chất lượng.

- Tỷ lệ thất thoát nước tính dồn năm 2021 là 15,7%: thấp hơn 0,14% so với kế hoạch UBND TP giao và cao hơn 1,7% so với kế hoạch Công ty giao. Công tác giảm thất thoát chưa đạt yêu cầu, tỷ lệ thất thoát nước vẫn chưa giảm được do những nguyên nhân sau:

+ Áp lực trên mạng lưới gia tăng tại các khu vực cuối nguồn và các khu vực trung tâm thành phố (là những khu vực rất ít xảy ra tình trạng xì vỡ do áp lực yếu) đã gây tình trạng xì vỡ nhiều, nhất là ống thép và ống nhựa cũ tại một số khu dân cư có mạng lưới cấp nước chưa được cải tạo và thay thế.

+ Các loại vật tư như ống, phụ kiện được lắp đặt lâu năm bị lão hóa gây nứt ống, hỏng và bong tróc các mối nối... Nhiều điểm ống thép qua đường, qua cống lâu ngày bị mục nát, gây ra xì vỡ mặc dù Công ty có kế hoạch thay thế nhưng việc thi công đào vĩa hè, đường giao thông đang bị vướng quá nhiều hạ tầng kỹ thuật khác nên việc thi công bị ảnh hưởng, chậm tiến độ so với kế hoạch.

+ Các nhà chung cư cũng gây thất thoát đáng kể do HTCN bị xuống cấp.

+ Nhiều dự án lớn của thành phố đang được triển khai thi công và phải thực hiện cắt nước, thi công di dời đường ống kéo dài thời gian nhất là đối với các tuyến ống truyền dẫn chính. Ngoài ra tình trạng làm hư hỏng đường ống do thi công các công trình trọng điểm cũng thường xuyên xảy ra, gây thất thoát lượng nước lớn. Công tác thi công nâng cấp cải tạo mạng lưới cấp nước theo kế hoạch thực hiện được rất ít do ảnh hưởng bởi dịch bệnh và giãn cách xã hội.

- Ban chỉ đạo chống thất thu đã tăng cường kiểm soát việc áp giá, đôn đốc các Xí nghiệp Cấp nước tiến hành ký lại hợp đồng tiêu thụ nước, điều chỉnh định mức theo đối tượng sử dụng. Giá nước bình quân tính dồn năm 2021 là 5.463 đồng/m<sup>3</sup>, thấp hơn 209 đồng/m<sup>3</sup> so với năm 2020. Về chỉ tiêu ký lại hợp đồng tiêu thụ nước, Công ty hoàn thành 95%, thấp hơn 5% so với kế hoạch năm.

- Trong năm 2021, kết quả tỷ lệ % tiền thu so với tổng tiền phải thu theo hóa đơn phát hành tính dồn cả năm đạt 97,72%, thấp hơn 1,3% so với kế hoạch năm; Tỷ lệ % hóa đơn thu được tiền so với tổng số hóa đơn phát hành năm 2021 đạt 96,97%, thấp hơn 1,2% so với kế hoạch năm.

### **3.3 Quản lý, chăm sóc khách hàng và truyền thông:**

- Trong năm 2021, Công ty đã phát triển 6.192 khách hàng nâng tổng số đồng hồ khách hàng tại thời điểm cuối năm 2021 đạt 308.479 đồng hồ. Trong đó, số đồng hồ không phát hành hóa đơn là 18.102 đồng hồ, chiếm tỷ lệ 5,9%.

- Trung tâm chăm sóc khách hàng (Call Center) – Tổng đài điện thoại 1900 2345 22 đã giải đáp, xử lý nhanh gọn mọi thắc mắc của khách hàng, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước.

- Đã phát triển được các ứng dụng đọc chỉ số đồng hồ kết hợp chăm sóc khách hàng. Ứng dụng Zalo... trong phát triển chuyên mục chăm sóc khách hàng và thu tiền nước, tạo tính tương tác tốt hơn với khách hàng.

### **3.4 Công tác sắp xếp tổ chức bộ máy và quản lý lao động:**



- Tiếp tục sắp xếp lại lao động và hoàn thiện bộ máy quản lý, cơ cấu tổ chức nhằm giảm tối đa các bất cập, chùng chေo trong xử lý công việc, tạo môi trường làm việc gắn kết, phát huy năng suất và hiệu quả làm việc của người lao động vì mục tiêu phát triển Công ty ngày càng vững mạnh. Thành lập mới Ban vật tư và Trung tâm Công nghệ thông tin để thực hiện tốt hơn nhiệm vụ cụ thể trong thời gian đến.

- Tính đến 31/12/2021, tổng số lao động của Công ty kể cả lao động thời vụ là 497 người, trong đó có 153 lao động nữ; lao động có trình độ đại học và trên đại học là 219 người, chiếm 44,06%; trình độ cao đẳng, trung cấp là 132 người, chiếm 26,56%; công nhân kỹ thuật (có bằng nghề) 44 người, chiếm 8,85%.

Nhìn chung, công tác quản lý lao động của Công ty đã đi vào nề nếp, năng suất lao động ngày càng tăng. Nếu tính theo sản lượng m<sup>3</sup> nước ghi thu thì Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng là một trong những đơn vị tiên phong trong việc sử dụng ít nhân lực nhất của ngành cấp nước.

### **3.5 Về công tác thực hiện chế độ chính sách, chăm lo đời sống và tham gia các hoạt động xã hội:**

- Trong tình hình dịch bệnh làm ảnh hưởng đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội chung của thành phố nhưng Công ty vẫn duy trì ổn định thu nhập cho người lao động ở mức bình quân là 15,83 triệu đồng/người/tháng, thấp hơn 2,9% so với năm 2020 và thấp hơn 4,6% so với kế hoạch năm.

- Công ty đã thực hiện tốt các chế độ chính sách về pháp luật lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động; Đảm bảo thu nhập cho người lao động năm sau cao hơn năm trước. Ngoài ra, Công ty còn mua bảo hiểm con người cho toàn thể CB-CNV với mức 236.000 đồng/người/năm. Phối hợp với tổ chức Công đoàn giải quyết trợ cấp khó khăn cho CB-CNV hoặc người thân đau ốm từ quỹ phúc lợi năm 2021.

- Làm tốt công tác tuyên truyền, hướng dẫn CB-CNV chấp hành quy định về bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, đồng phục cho CB-CNV Công ty trong năm 2021.

- Quan tâm chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho người lao động. Công ty cũng đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CB-CNV vào những thời điểm phù hợp đảm bảo an toàn về phòng chống dịch bệnh theo quy định.

- Làm tốt công tác xã hội, chăm lo cộng đồng thông qua việc thăm hỏi, hỗ trợ, phụng dưỡng mẹ VNAH, giúp đỡ hộ nghèo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam, đóng góp quỹ phòng chống dịch COVID-19 và hàng năm đều ủng hộ 01 tỷ đồng cho chương trình “Xuân yêu thương” thông qua Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố Đà Nẵng.

### **3.6 Một số nhiệm vụ công tác khác:**

- Kiện toàn lại Ban chỉ đạo chống thất thu, thất thoát nước và Ban chuẩn bị đầu tư thành các Tiểu ban trực thuộc HĐQT.

- Thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và luân chuyển cán bộ quản lý các đơn vị trực thuộc cho nhiệm kỳ mới.

- Hoàn thành việc tạo và áp dụng bộ mã vật tư mới để nâng cao công tác quản lý vật tư thiết bị.

## 4. Kế hoạch phát triển

### 4.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022	So với thực hiện 2021 (%)
1	Nước sản xuất	Triệu m <sup>3</sup>	102,799	102,2
2	Nước ghi thu	Triệu m <sup>3</sup>	87,379	103,5
3	Tỷ lệ thất thoát	%	15,0	Giảm 0,7
4	Doanh thu ngành nước	Tỷ đồng	484,789	105,1
5	Doanh thu ngành xây lắp	Tỷ đồng	2,4	71,4
6	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	92,5	67,6
7	Các khoản nộp ngân sách	Tỷ đồng	130,0	75,6
8	Thu nhập bình quân /người/tháng	Triệu đồng	16,10	101,7

### 4.2 Công tác sản xuất và cấp nước:

- Đảm bảo công tác sản xuất tại các nhà máy/trạm cấp nước luôn được vận hành ổn định, an toàn, hiệu quả và cung cấp đủ nguồn nước thô không bị mặn cho các nhà máy/trạm cấp nước.

- Khai thác tối đa, vận hành hiệu quả mạng lưới đường ống hiện có cũng như các dự án xây dựng mới nhà máy và các tuyến ống chuyển dẫn được thi công hoàn thành đưa vào hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu dùng nước của thành phố.

- Vận hành hiệu quả các công trình xử lý, trạm bơm tăng áp thông qua hệ thống SCADA từ Trung tâm Quản lý vận hành HTCN.

- Thực hiện tốt công tác kiểm soát chất lượng nước sạch trong mạng lưới đường ống cấp nước và kịp thời xử lý khắc phục các trường hợp sự cố về chất lượng nước đảm bảo nước cấp đạt tiêu chuẩn vệ sinh theo quy định của Bộ Y tế.

- Điều tiết mạng lưới cấp nước đảm bảo lưu lượng và áp lực tối ưu nhất cho từng vùng, từng khu vực và bổ sung các điểm giám sát áp lực online trên mạng lưới.

### 4.3. Công tác giảm thất thoát, thất thu nước:

- Các Xí nghiệp Cấp nước tập trung giảm thất thoát nước, phối hợp với các đơn vị chức năng trong Công ty đề xuất và thực hiện các giải pháp để giảm tỷ lệ thất thoát năm 2022 xuống còn 14%.

- Tiếp tục rà soát để phân vùng tách mạng để phù hợp với các tuyến ống truyền dẫn mới đã được đầu tư. Lắp đặt bổ sung các đồng hồ phân vùng tách mạng để xác định chính xác lượng nước cấp cho từng vùng, khu vực.

- Xác định khu vực thất thoát cao thông qua số liệu cấp nước qua các đồng hồ phân vùng và lập kế hoạch xử lý giảm thất thoát; Lập kế hoạch tra soát, dò tìm trên mạng lưới để xác định điểm rò rỉ; Thực hiện cải tạo, thay thế tuyến ống cũ, hư hỏng, kém chất lượng; Thực hiện đối chứng đồng hồ tổng định kỳ đảm bảo tính chính xác trong công tác ghi chỉ số đồng hồ.

- Hạn chế sai sót trong đọc chỉ số đồng hồ và phát hành hoá đơn; Thực hiện kiểm định đồng hồ tiêu thụ đúng theo quy định hiện hành và thay thế ngay khi xác định đồng hồ không chính xác. Sử dụng đồng hồ cấp C hoặc điện từ cho các khách hàng dùng nước lớn ( $D \geq 25$ ), sử dụng vật tư đảm bảo chất lượng, có tuổi thọ cao.

- Duy trì công tác kiểm tra tình hình sử dụng nước để xác định đúng đối tượng sử dụng nước, thường xuyên xác định lại các tỷ lệ mục đích sử dụng nước đối với các trường hợp có nhiều giá (Ký túc xá, chung cư, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh...) đảm bảo áp giá đúng mục đích sử dụng nước. Tham mưu và đề xuất các giải pháp trong công tác thu tiền nước và thu hồi công nợ.

- Xử lý thu tiền nước thất thoát từ các trường hợp gây hư hỏng đường ống, từ các đơn vị thi công sử dụng nước cho súc xả, đấu nối.

#### **4.4. Công tác đầu tư phát triển trọng tâm trong năm 2022:**

- Tập trung đẩy mạnh tiến độ thi công các công trình trọng điểm: Tuyến ống D500, D400 ven biển từ Hồ Xuân Hương đến Võ Quý Huân; Công trình Xây dựng hạ tầng kỹ thuật nhà máy nước Cầu Đỏ; Nâng công suất nhà máy nước Hoà Trung 10.000m<sup>3</sup>/ngày lên 20.000m<sup>3</sup>/ngày; Xây dựng cụm xử bùn NMN Cầu Đỏ.

- Triển khai thi công và hoàn thành việc đầu tư xây dựng dự án: Nâng công suất trạm bơm nước thô An Trạch lên 420.000m<sup>3</sup>/ngày và tuyến ống nước thô D1200DI từ trạm bơm An Trạch về NMN Cầu Đỏ.

- Triển khai thi công và hoàn thành tuyến ống truyền tải phía Đông Nam thành phố, phối hợp với đơn vị tư vấn khẩn trương hoàn thiện hồ sơ quy hoạch chi tiết một số tuyến truyền tải mới. Triển khai thiết kế và thi công khi đủ điều kiện.

- Kiểm tra và đánh giá toàn diện các trạm cấp nước tại xã Hòa Phú và Hòa Bắc để xác định công suất và lựa chọn nguồn nước để nâng cấp cải tạo trạm xử lý nước tập trung cho từng xã ứng với công suất hiện có và định hướng cho tương lai.

- Hoàn thành công trình cải tạo nâng tầng tòa nhà làm việc Công ty tại số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh.

- Hoàn thành các thủ tục liên quan để thanh toán và quyết toán vốn đối với các dự án, công trình đã hoàn thành thi công và nghiệm thu đưa vào sử dụng.

- Thực hiện đầu tư phát triển cấp nước theo kế hoạch năm 2022.

#### **4.5 Công tác quản lý và chăm sóc khách hàng:**

- Giải quyết nhanh, kịp thời các khiếu nại, thắc mắc của khách hàng và phát huy tối đa hiệu quả hoạt động của hệ thống chăm sóc khách hàng (Call Center) nhằm đem lại sự hài lòng đối với khách hàng.

- Quản lý tốt công tác ghi chỉ số đồng hồ, công tác chăm sóc khách hàng, hạn chế tối đa các sai sót khi ghi chỉ số đồng hồ hoặc thái độ phục vụ không tốt.

- Tiếp tục phát triển ứng dụng đọc chỉ số đồng hồ kết hợp chăm sóc khách hàng. Ứng dụng Zalo, Viber... trong phát triển chuyên mục chăm sóc khách hàng và thu tiền nước nhằm hướng đến sự tương tác và phục vụ tốt hơn cho khách hàng.

- Đầu tư và phát triển các phần mềm quản lý và xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình

chuyển đổi số của Công ty giai đoạn 2021-2026.

#### **4.6. Việc làm, tiền lương, đời sống, chính sách:**

- Đảm bảo lương, thu nhập cho người lao động công bằng, đúng chế độ. Duy trì ổn định tiền lương, thu nhập cho người lao động và đóng đúng, đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp cho tất cả CB-CNV, kịp thời đề xuất cơ quan BHXH thực hiện thanh toán đầy đủ chế độ BHXH, BHYT, chế độ nghỉ hưu và tiếp tục mua bảo hiểm con người 24/24h cho CB-CNV. Quan tâm chăm sóc sức khỏe người lao động, hàng năm duy trì khám sức khỏe định kỳ cho CB-CNV, riêng CB-CNV có bệnh cần theo dõi được khám 2 lần/năm. Phối hợp với Công đoàn giải quyết trợ cấp khó khăn cho CBCNV hoặc người thân đau ốm từ quỹ phúc lợi. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, đồng phục cho CBCNV Công ty.

- Tiếp tục rà soát Quy chế tiền lương nhằm khuyến khích người lao động tăng năng suất, đảm bảo thu nhập gắn liền với yêu cầu và kết quả công việc và áp dụng vào thời điểm phù hợp.

- Thường xuyên phối hợp với các đơn vị đào tạo tổ chức các lớp bồi dưỡng, nâng bậc cho công nhân, an toàn lao động. Tuyên truyền, giáo dục CB-CNV chấp hành đúng các quy định về bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ.

- Duy trì kỷ luật kỷ cương lao động, thực hiện tốt các quy định, quy chế của Công ty. Tăng cường công tác quy hoạch tạo nguồn cán bộ, bố trí, luân chuyển, sắp xếp lại lao động cho phù hợp.

# **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



## I. Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

### 1.1. Nhân sự:

- + **Hội đồng quản trị:** Thành viên HĐQT Đại hội đồng cổ đông lần đầu năm 2016 đã bầu ra Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng gồm 05 thành viên đảm nhiệm vị trí tại Công ty như sau: Ông Nguyễn Trường Ảnh - Chủ tịch HĐQT; Ông Đặng Thanh Bình - Phó Chủ tịch HĐQT; các Ông Hồ Hương, Lê Đức Quý, Thái Văn Thành là thành viên.
- + Đến ngày 01/02/2020, đã miễn nhiệm Ông Nguyễn Trường Ảnh – Chủ tịch HĐQT nghỉ hưu theo chế độ. Và ngày 25/2/2020, Hội đồng quản trị đã đề cử bầu tạm thời Ông Lê Đức Quý, thành viên HĐQT là Chủ tịch HĐQT của Công ty.
- + Ngày 24/04/2021, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã miễn nhiệm Ông Thái Văn Thành thôi không tham gia HĐQT và bầu bổ sung Ông Nguyễn Trường Ảnh là thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016 – 2021.
- + Ngày 29/10/2021, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 đã tiến hành miễn nhiệm thành viên HĐQT do hết nhiệm kỳ 2016-2021 và tiến hành bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026 gồm có 05 thành viên đảm nhiệm vị trí tại Công ty như sau: Ông Hồ Hương- Chủ tịch HĐQT, Ông Đặng Thanh Bình- Phó Chủ tịch HĐQT; các Ông Hồ Minh Nam, Lê Đức Quý, Nguyễn Trường Ảnh là thành viên.
- + **Ban Kiểm soát:** Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021 gồm có 3 thành viên như sau: Bà Nguyễn Thị Thu Hà -Trưởng ban kiểm soát, Bà Phạm Thị Quế Chi - Kiểm soát viên chuyên trách, Bà Võ Thị Hòa - Kiểm soát viên không chuyên trách.
- + Ngày 29/10/2021, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 đã tiến hành miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát do hết nhiệm kỳ 2016-2021 và tiến hành bầu cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 gồm có 03 thành viên đảm nhiệm vị trí tại Công ty như sau: Bà Nguyễn Thị Thu Hà-Trưởng ban kiểm soát, Bà Phạm Thị Quế Chi- Kiểm soát viên chuyên trách, Ông Thái Quốc Khánh-Kiểm soát viên không chuyên trách.
- + **Ban điều hành:** Ban điều hành gồm có 4 thành viên như sau: Ông Hồ Minh Nam-Tổng Giám đốc, Ông Lê Đức Quý-Phó Tổng Giám đốc, Ông Trần Phước Thương-Phó Tổng Giám đốc, Ông Phan Thịnh - Kế toán trưởng.

### 1.2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021:

Công ty hoàn thành các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận trước thuế của kế hoạch sản xuất tài chính năm 2021, cụ thể như sau:

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % so với KH
1	Nước sản xuất	Triệu m <sup>3</sup>	100,302	100,602	100,30
2	Nước ghi thu	Triệu m <sup>3</sup>	84,413	84,436	100,03
3	Tỷ lệ thất thoát	%	15,84	15,70	Thấp hơn 0,14
4	Doanh thu ngành nước	Tỷ đồng	471,269	461,280	97,88

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % so với KH
5	Doanh thu xây lắp (không tính Dawacon)	Tỷ đồng	2,400	3,359	140,0
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	120,000	136,798	114,0
7	Các khoản nộp ngân sách	Tỷ đồng	130,000	172,507	132,7
8	Thu nhập bình quân /người/tháng	Triệu đồng	16,6	15,831	95,4

### 1.3. Về hoạt động của HĐQT

#### a. Về công tác quản lý điều hành của HĐQT:

HĐQT thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp lý có liên quan, Điều lệ Công ty đã được sửa đổi bổ sung và đã được thông qua trong ĐHĐCĐ thường niên 2019 ngày 17/4/2019 và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2021, Điều lệ Công ty tiếp tục được sửa đổi, bổ sung và đã được thông qua tại ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 ngày 29/10/2021 và Nghị quyết của ĐHĐCĐ bất thường năm 2021.

Ngoài ra, HĐQT tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành gồm: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 của Quốc hội; Nghị định số 155/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

HĐQT áp dụng các Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát ban hành kèm Thông tư số 116/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng, có nội dung đảm bảo quyền lợi tốt hơn cho tất cả cổ đông của Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng và các quy định được xây dựng trên cơ sở thực tế và quản trị tiên tiến.

HĐQT chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các công việc theo chức năng - nhiệm vụ đúng quy định và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị; Giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban điều hành; Chỉ đạo sát sao và giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban điều hành nhằm mang lại thuận tiện nhất cho khách hàng và hiệu quả kinh tế nhất cho Công ty; Giám sát chặt chẽ công tác quản lý, điều hành cũng như việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

HĐQT đã thực hiện tốt hoạt động giám sát công tác điều hành của Tổng giám đốc Công ty. Nhằm đảm bảo lợi ích của Nhà nước, cổ đông và người lao động, Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc Công ty, phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty giám sát các vấn đề:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 đề ra.

Thực hiện các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng Quản trị đã ban hành về sản xuất kinh doanh và hoạt động của doanh nghiệp.

Hàng tháng, Tổng Giám đốc Công ty báo cáo các chỉ tiêu chính cho Hội đồng quản trị; đồng thời qua các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để Hội đồng



quản trị xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu kinh tế tài chính...

Công tác quản lý tài chính trong năm qua luôn được HĐQT chú trọng đúng mức. Công tác kiểm toán, kiểm soát chi tiêu tài chính trong hoạt động kinh doanh, trong xây dựng cơ bản thường xuyên được tăng cường, công khai minh bạch tài chính đảm bảo theo quy định của pháp luật...

Công ty đã thực hiện đầy đủ công tác công bố thông tin và quan hệ cổ đông theo quy định của pháp luật đối với Công ty đại chúng quy mô lớn.

#### **b. Các kết quả cụ thể như sau:**

HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của các ban đã được thành lập và hoạt động tích cực, hỗ trợ tốt cho công ty gồm: các XNCN, XN SXN, các Trung tâm và các Ban của Công ty đã có hoạt động hiệu quả, đảm nhận tốt công tác chuyên môn, hỗ trợ tích cực cho hoạt động của HĐQT đạt được nhiều mục tiêu quan trọng như: Trong năm 2021, tỷ lệ phát triển khách hàng tiếp tục phát triển, nhu cầu sử dụng nước tăng tại các khu dân cư, khu đô thị mới hình thành. Trong đó nổi trội tại các Quận Cẩm Lệ, Quận Liên Chiểu, số liệu cho thấy tổng số đồng hồ lắp đặt mới trên toàn thành phố là 6192 đồng hồ, nâng tổng số đồng hồ khách hàng sử dụng nước công ty đang phục vụ 308.479 đồng hồ, với tổng công suất cung cấp nước bình quân là 280.000-310.000m<sup>3</sup>/ngày đêm, phục vụ cho hơn 1 triệu dân thành phố Đà Nẵng.

Tháng 07/2021, để đáp ứng các yêu cầu công việc chuyên môn, HĐQT đã cho thành lập Trung tâm LabDawaco và Trung tâm quản lý vận hành HTCN Dawaco; Tháng 12/2021, thành lập Trung tâm Công nghệ thông tin để phụ trách công tác chuyên môn đảm bảo công tác quản lý hoạt động Công ty trên nền tảng số hướng đến mục tiêu Chuyển đổi số toàn diện, thành lập Ban Vật tư để đảm bảo chuẩn hóa quy trình theo dõi và cung cấp vật tư, hóa chất kịp thời phục vụ nhu cầu sản xuất nước của Công ty.

Năm 2021, Công ty đã đầu tư hơn 33 tỷ đồng để phát triển và cải tạo mạng lưới đường ống phân phối, lắp đặt và sửa chữa, thay thế đồng hồ điện từ để kiểm soát thất thoát nước; mua sắm mới, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị. máy móc và cải tạo, nâng cấp các công trình xử lý tại các nhà máy, trạm cấp nước đảm bảo hoạt động cấp nước liên tục, an toàn.

## **II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành**

Thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2021 (ngày 24/4/2021) và ĐHĐCĐ bất thường 2021 (ngày 29/10/2021) của Công ty Cổ phần cấp nước Đà Nẵng, HĐQT luôn theo sát và chỉ đạo Ban điều hành thực hiện đúng kế hoạch đã được đại hội thông qua.

Nhìn chung, trong năm 2021, Ban điều hành đã luôn bám sát nhiệm vụ kế hoạch, triển khai các giải pháp sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty.

Ban điều hành đã chủ động tham mưu và đề xuất kịp thời các vấn đề quan trọng để HĐQT Công ty quyết định.

Các thành viên Ban điều hành đã có sự phối hợp tốt trong việc giải quyết các công việc của Công ty.

Trong năm 2021, Ban điều hành đã có sự phối hợp thực hiện các dự án trọng điểm của

Công ty góp phần hoàn thành mục tiêu về chống thất thu như thường xuyên rà soát lại định mức và áp giá theo đúng mục đích sử dụng đảm bảo sự công bằng giữa các hộ sử dụng nước và tăng doanh thu trong năm qua; thực hiện giám sát, theo dõi công tác giải tỏa đền bù, giải phóng mặt bằng các công trình trọng điểm sát sao góp phần đẩy nhanh tiến độ thi công các tuyến ống truyền tải như Tuyến ống Thăng Long, Tuyến ống nối từ NMN Hòa Liên

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong năm qua hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn còn một số hạn chế như sau: Từ đầu năm 2021 đến nay, do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID nên nhu cầu sử dụng nước sạch của thành phố tăng trưởng thấp (Ngành du lịch dịch vụ; giáo dục; sản xuất của các nhà máy, xí nghiệp không hoạt động). Thêm vào đó, nguồn nguyên liệu hóa chất xử lý nước, vật tư thiết bị để đầu tư phát triển hệ thống cấp nước theo kế hoạch năm bị ảnh hưởng do thiếu nguồn cung ứng. Ngay từ đầu năm 2021, việc xâm nhập mặn đến sớm và mức độ nhiễm mặn cao hơn nhiều so với các năm trước cùng với hoạt động của các hồ thủy điện đầu nguồn đã gây ảnh hưởng lớn đến nguồn cấp nước cho thành phố (cả về lưu lượng và chất lượng).

### III. Định hướng kế hoạch năm 2022

Thời tiết năm 2022 dự báo diễn biến thuận lợi hơn so với trung bình nhiều năm, tổng lượng mưa được dự báo phổ biến cao hơn từ 10-20% so với trung bình nhiều năm. Tháng 5-6/2022, TLM phổ biến xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ (Theo TT dự báo khí tượng thủy văn quốc gia). Tuy nhiên, cùng với việc các công trình thủy lợi, thủy điện đầu nguồn tích nước sẽ ảnh hưởng lớn đến việc khai thác nước nguồn của Công ty.

Phát huy những kết quả đã đạt được của năm 2021, tiếp tục thực hiện các giải pháp trong điều hành hoạt động sản xuất - kinh doanh, phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 mà Hội đồng quản trị giao khi được ĐHCĐ thường niên năm 2022 thông qua.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, bảo đảm cấp nước an toàn, đảm bảo an ninh nguồn nước, các giải pháp cần tập trung chỉ đạo thực hiện là:

#### 1. Về tăng công suất nguồn nước cấp cho thành phố:

Trong tháng 7/2021 đã cơ bản đưa vào hoạt động chính thức dự án Nâng công suất NMN Cầu Đò phân kỳ 2 thêm 60.000 m<sup>3</sup>/ngày nâng tổng công suất thiết kế các nhà máy nước lên 350.000 m<sup>3</sup>/ngày và tiếp tục đầu tư các dự án đã và đang thực hiện để tăng cường truyền tải đến các khu vực có địa hình cao, vùng sâu, vùng xa (Các công trình tuyến ống cho Xã Hòa Bắc và Hòa Phú)

Đảm bảo công tác sản xuất tại các nhà máy/trạm cấp nước luôn được vận hành ổn định và thật sự an toàn, hiệu quả.

Cung cấp đủ nguồn nước thô không bị mặn cho các nhà máy/trạm cấp nước và duy trì ổn định chất lượng nước cấp vào mạng lưới phân phối luôn đạt yêu cầu vệ sinh theo quy định hiện hành của Bộ Y tế.

Khai thác tối đa, vận hành hiệu quả mạng lưới đường ống hiện có cũng như các dự án xây dựng mới nhà máy và các tuyến ống chuyển dẫn được thi công hoàn thành đưa vào hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu dùng nước của thành phố.

Các Xí nghiệp Cấp nước tập trung quyết liệt cho công tác chống thất thoát, phối hợp với các đơn vị chức năng trong Công ty đề xuất và thực hiện các giải pháp giảm tỷ lệ thất thoát năm

2022 xuống thấp hơn so với năm 2021.

Thực hiện vận hành các công trình xử lý, trạm bơm tăng áp thông qua hệ thống SCADA từ Trung tâm Quản lý vận hành HTCN.

Bảo dưỡng định kỳ theo kế hoạch đối với các máy bơm, thiết bị điện tử và các công trình xử lý nước tại tất cả các nhà máy sản xuất nước.

## **2. Về công tác chống thất thu:**

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc áp giá nước, chỉ tiêu thu hồi công nợ, chỉ tiêu phát hành hóa đơn, chỉ tiêu đơn giá nước bình quân tại các Xí nghiệp cấp nước, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng trong toàn Công ty.

## **3. Về công tác chống thất thoát nước:**

Thực hiện thay thế đồng hồ của các hộ dân cư sử dụng lâu năm, không còn chính xác bằng các đồng hồ cấp C.

Thay thế triệt để các tuyến ống cũ chất lượng kém, các ống sắt tráng kẽm bằng ống HDPE, chỉ đạo Ban điều hành phối hợp thi công cùng với các dự án nâng cấp kiệt, hẻm của thành phố để tiết giảm chi phí.

Đầu tư trang thiết bị phòng chống thất thoát; tăng cường trách nhiệm đối với công tác trực sửa chữa, đảm bảo phát hiện nhanh chóng và sửa chữa kịp thời các điểm ống bể.

Tiếp tục phấn đấu đạt tỷ lệ thất thoát nước ở mức 14%.

Nghiên cứu các giải pháp quản lý nước thông minh để có kế hoạch đầu tư lâu dài và đồng bộ.

## **4. Về điều hành quản lý sản xuất**

Tập trung đẩy nhanh công tác đầu tư Nâng công suất Trạm bơm phòng mặn An Trạch lên 420.000 m<sup>3</sup>/ngày nhằm đảm bảo sau khi hoàn thành, Dawaco thật sự chủ động và đảm bảo cấp nước ổn định cho những thời điểm nguồn nước thô tại Cầu Đỏ bị nhiễm mặn.

Hoàn thành thi công lắp đặt hệ thống điều khiển SCADA nhà máy nước Cầu Đỏ, Sân Bay để đi vào hoạt động và vận hành từ Trung tâm Quản lý vận hành HTCN nhằm quản lý vận hành tốt các nhà máy, duy tu, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị. Điều hòa lưu lượng, áp lực giữa các nhà máy khi đưa nước ra mạng lưới, tiết kiệm tối đa điện năng và hóa chất xử lý.

Thay thế các máy bơm và các thiết bị điện trong các nhà máy nước có công suất tiêu thụ điện và hao hụt điện lớn bằng máy bơm hiệu suất tốt, ít hao tổn điện năng, giảm chi phí vận hành. Triển khai cải tạo mạng lưới đường ống cho phù hợp với nhu cầu sử dụng nước.

Tiếp tục hoàn thiện và ban hành các quy chế quản lý khoa học và hiệu quả. Nâng cao ý thức kỷ luật kỷ cương lao động, thực hiện tốt các quy định, quy chế của Công ty. Tăng cường công tác quản lý, sắp xếp lại lao động cho phù hợp, chú trọng công tác đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng, huấn luyện, rèn luyện để xây dựng đội ngũ CB-CNV có chất lượng cao, có tác phong công nghiệp.

Thực hiện tốt các quy định về khai thác và xả thải, các biện pháp bảo vệ môi trường theo Luật tài nguyên nước.

Thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn; đảm bảo chất lượng nước theo quy chuẩn Việt Nam QCVN01: 2009/BYT của Bộ Y tế.



Tăng cường trao đổi hợp tác quốc tế với Cục nước Yokohama và thỏa thuận hợp tác 6 bên với các đối tác để tăng cường học tập, chia sẻ kinh nghiệm trong quản lý và vận hành góp phần giảm chỉ tiêu thất thoát.

#### **5. Về triển khai thực hiện các dự án trọng điểm:**

Hoàn thiện thi công, đấu nối và nghiệm thu đưa vào khai thác vận hành công trình: Tuyến ống D500, D400DI đường Võ Nguyên Giáp – Hoàng Sa (đoạn từ Hồ Xuân Hương đến Nguyễn Phan Vinh) trong tháng 01/2022.

Tập trung đẩy mạnh tiến độ thi công các công trình trọng điểm: Tuyến ống D400 DI đường Võ Nguyên Giáp – Trường Sa (đoạn từ Hồ Xuân Hương đến Võ Quý Huân); Tuyến ống D1200, D1000, D800 DI đường Thăng Long; Tuyến ống D1200, D1000, D800 DI Hòa Liên (đoạn từ NMN Hòa Liên đến đường số 2 KCN Hòa Khánh) và quyết liệt đôn đốc nhà thầu đảm bảo tiến độ thi công dự án: Nâng công suất Trạm bơm phòng mặn lên 420.000m<sup>3</sup>/ngày đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ kế hoạch và tuyến ống nước thô D1200DI từ trạm bơm An Trạch về NMN Cầu Đỏ.

Triển khai thi công trước hạng mục xây dựng bể chứa nước sạch và cụm xử lý bùn thuộc dự án Xây dựng NMN Hòa Trung – giai đoạn 2 để trước mắt đáp ứng khả năng xử lý khi vận hành ở công suất 15.000m<sup>3</sup>/ngày.

Chuẩn bị hồ sơ liên quan để sớm triển khai thi công Tuyến ống truyền tải phía Đông Nam thành phố Đà Nẵng đồng thời phối hợp với đơn vị tư vấn khẩn trương hoàn thiện hồ sơ quy hoạch chi tiết một số tuyến truyền tải mới. Triển khai thiết kế và thi công khi đủ điều kiện.

Đẩy nhanh hoàn thành Xây dựng hạ tầng kỹ thuật nhà máy nước Cầu Đỏ (hệ thống đường giao thông nội bộ, thoát nước mưa, điện chiếu sáng) trên cơ sở hiện trạng và quy hoạch được phê duyệt.

Hoàn thành các thủ tục liên quan để thanh toán và quyết toán vốn đối với các dự án, công trình đã hoàn thành thi công và nghiệm thu đưa vào sử dụng.

Nâng cấp, sửa chữa cải tạo các cơ sở sản xuất, văn phòng các Xí nghiệp đảm bảo ổn định và an toàn sản xuất cho người lao động.

Đẩy nhanh tiến độ thi công phát triển mạng lưới 4 tuyến ống chính phục vụ cho khu vực Sơn Trà và Ngũ Hành Sơn gồm tuyến ống D600 Hồ Xuân Hương, tuyến ống ven biển D500-400 nối Hồ Xuân Hương đến Nguyễn Phan Vinh, tuyến ống ven biển D400 nối Hồ Xuân Hương đến Võ Quý Huân.

Đối với mạng truyền tải các khu vực tại 6 quận huyện, ưu tiên thay thế các đồng hồ que bằng đồng hồ sóng âm và lắp đặt các tuyến ống mới, cần thiết để tăng cường lưu lượng và áp lực cho các khu vực đông dân cư.

#### **6. Về công tác quản trị tài chính:**

Công tác quản lý tài chính thường xuyên được Hội đồng quản trị chú trọng. Công tác kiểm toán, kiểm soát chi tiêu tài chính trong hoạt động kinh doanh, trong xây dựng cơ bản được tăng cường, công khai minh bạch tài chính đảm bảo theo quy định của pháp luật...

Thực hiện đầy đủ công tác công bố thông tin và quan hệ cổ đông theo quy định của pháp luật.

## **7. Về công tác quản trị nhân sự:**

Đảm bảo lương, thu nhập cho người lao động công bằng, đúng chế độ. Duy trì ổn định việc làm, tiền lương và thu nhập cho người lao động mức thu nhập bình quân 15,83 triệu đồng/người/tháng.

Củng cố, sắp xếp, xây dựng hoàn thiện mô hình các Xí nghiệp Cấp nước đảm bảo tính thống nhất, tinh gọn bộ máy và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo nhằm nâng cao các kỹ năng mềm và trình độ giúp người lao động tiếp thu kiến thức mới từ đó nâng cao năng suất lao động. Ngoài ra còn chú trọng đãi ngộ, thu hút nhân tài đối với nhân sự có chuyên môn cao, đáp ứng vượt mức yêu cầu chuyên môn của công việc được giao.

## **8. Về công tác truyền thông, chăm sóc khách hàng và các hoạt động cộng đồng:**

Tập trung chú trọng đến công tác truyền thông, tương tác với khách hàng nhiều hơn thông qua Ứng dụng ZaloOA, tuyên truyền, quảng bá và cập nhật kịp thời các hoạt động đầu tư, sản xuất, các nỗ lực làm việc ứng phó các sự cố trong các giai đoạn khủng hoảng nước nhiễm mặn, tuyên truyền tiết kiệm nước... để góp phần định hướng xây dựng hình ảnh một Dawaco tốt hơn, thân thiện, phục vụ, chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp trong mắt người dân, doanh nghiệp góp phần tránh những phản ánh tiêu cực không đáng có gây bất lợi cho hình ảnh Công ty.

Cập nhật thông tin dữ liệu khách hàng. Rà soát hoàn thiện quy trình quản lý và chăm sóc khách hàng cho phù hợp, thống nhất, đồng bộ đáp ứng yêu cầu quản lý.

Các XNCN phối hợp cùng Trung tâm Call Center để giải quyết nhanh, xử lý kịp thời các khiếu nại, thắc mắc của khách hàng nhằm đem lại sự hài lòng đối với khách hàng.

Tăng cường quản lý nhân viên ghi chỉ số đồng hồ, nhân viên chăm sóc khách hàng, hạn chế tối đa các trường hợp khiếu kiện do không ghi hoặc ghi không chính xác hoặc thái độ phục vụ không tốt, ứng xử văn minh với khách hàng.

Duy trì hoạt động hỗ trợ cộng đồng hỗ trợ, giúp đỡ các tổ chức từ thiện, phụng dưỡng 3 mẹ VNAH, đã trao tặng gần 1 tỷ đồng tương đương 2000 suất quà Tết cho các hộ nghèo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam.

# QUẢN TRỊ CÔNG TY



## 1. Hội đồng quản trị

### 1.1 Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Hồ Hương	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Đặng Thanh Bình	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Hồ Minh Nam	Thành viên HĐQT/Tổng giám đốc
4	Ông Lê Đức Quý	Thành viên HĐQT/Phó Tổng giám đốc
5	Ông Nguyễn Trường Ảnh	Thành viên HĐQT

### 1.2 Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị:

#### ❖ ÔNG HỒ HƯƠNG - Chủ tịch HĐQT

Họ và tên: **HỒ HƯƠNG**

Ngày sinh: 20/5/1969      Giới tính: Nam

Số CMND: 201022122      Cấp ngày: 29/12/2009      Nơi cấp: CA TP Đà Nẵng

Dân tộc: Kinh      Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Đại Nghĩa - Đại Lộc - Quảng Nam

Nơi ở hiện tại: 157 Lê Thanh Nghị, P. Hòa Cường Bắc, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

#### ❖ Trình độ:

Văn hóa: 12/12

Chuyên môn: Thạc sĩ Kỹ thuật

#### ❖ Chức vụ hiện nay tại công ty: Chủ tịch HĐQT

#### ❖ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

#### ❖ Quá trình công tác:

1969 - 1993      Còn nhỏ ở với gia đình và đi học tốt nghiệp Đại học Bách khoa Đà Nẵng, khoa Xây dựng cầu đường;

9/1993 - 8/1996      Kỹ thuật viên phòng Kỹ thuật, Công ty Xây dựng Công trình 512

8/1996 - 7/1997      Phó trưởng phòng Kỹ thuật chất lượng, Công ty Xây dựng Công trình 512

7/1997 - 7/2004      Kỹ thuật viên phòng Kế hoạch -Kỹ thuật, BQL Dự án ĐTX D Công trình GTCC Đà Nẵng

7/2004-10/2005      Phó trưởng phòng Kế hoạch -Kỹ thuật, BQL Dự án ĐTXD Công trình GTCC Đà Nẵng

10/2005 - 5/2010      Phó giám đốc Công ty Quản lý cầu đường Đà Nẵng

5/2010 - 6/2014      Trưởng ban, Ban QLDA Hạ tầng giao thông Đô thị Đà Nẵng

6/2014 - 5/2016      Trưởng ban, Ban QLDA xây dựng số 2 tp. Đà Nẵng

5/2016 - 10/2016      Bí thư Đảng ủy, Phó giám đốc Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng, Công nghiệp Đà Nẵng

11/2016 – 10/2021 Đảng ủy viên, Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng

Từ 11/2021 - nay Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng

❖ **ÔNG ĐẶNG THANH BÌNH – Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

**Họ và tên** : Đặng Thanh Bình

**Ngày sinh** : 01/01/1963 **Giới tính:** Nam

**Dân tộc** : Kinh **Quốc tịch:** Việt Nam

**Quê quán** : Đại Nghĩa – Đại Lộc – Quảng Nam

**Nơi ở hiện tại** : 99 Núi Thành, P. Hòa Thuận Đông, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

**Trình độ:**

+ Văn hóa : 12/12

+ Chuyên môn : Kỹ sư

**Chức vụ hiện nay tại công ty:** Phó chủ tịch HĐQT

**Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng - Miền Trung; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa cao cấp Đà Nẵng - Miền Trung; Chủ tịch HĐQT Công ty Công trình giao thông Đà Nẵng

**Quá trình công tác:**

1983 - 1985 Nhân viên, trưởng phòng KH, HTX Nông nghiệp II, Đại Nghĩa – Đại Lộc – Quảng Nam.

1985 - 1988 Phó Chủ nhiệm, Chủ nhiệm HTX Nông nghiệp II, Đại Nghĩa – Đại Lộc – Quảng Nam.

1989 - 1991 Trưởng ban tuyên huấn xã Đại Nghĩa – Đại Lộc – Quảng Nam

1991 - 1994 Chủ nhiệm HTX Sản xuất kinh doanh và Dịch vụ Tổng hợp, Đại Nghĩa – Đại Lộc – Quảng Nam.

1994 - 1996 Chủ tịch UBND xã Đại Nghĩa – Đại Lộc – Quảng Nam

1996 - 1999 Phó trưởng ban, BQL các Dự án Đầu tư xây dựng huyện Đại Lộc, Q.Nam

1999 – 2000 Trưởng phòng KH-Đầu tư, BQL các KCN tỉnh Quảng Nam.

2000 – 2006 Giám đốc Công ty Phát triển và khai thác Hạ tầng KCN Đà Nẵng.

2006 - 10/2016 Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng - Miền Trung; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa cao cấp Đà Nẵng - Miền Trung; Chủ tịch HĐQT Công ty Công trình giao thông Đà Nẵng

11/2016 - nay Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng - Miền Trung; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa cao cấp Đà Nẵng - Miền Trung; Chủ tịch HĐQT Công ty Công trình giao thông Đà Nẵng; Phó chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng



❖ **ÔNG HỒ MINH NAM – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

Xem ở phần lý lịch của Ban Tổng Giám đốc

❖ **ÔNG LÊ ĐỨC QUÝ – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc**

Xem ở phần lý lịch của Ban Tổng Giám đốc

❖ **ÔNG NGUYỄN TRƯỜNG ANH – Thành viên Hội đồng Quản trị**

**Họ và tên** : Nguyễn Trường Anh

**Ngày sinh** : 01/01/1960 **Giới tính** : Nam

**Dân tộc** : Kinh **Quốc tịch** : Việt Nam

**Quê quán** : Duy Hòa, Duy Xuyên, Quảng Nam

**Nơi ở hiện tại:** 57 Cao Thắng, P. Thanh Bình, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

**Trình độ:**

+ Văn hóa : 12/12

+ Chuyên môn : Kỹ sư Cấp thoát nước

**Chức vụ hiện nay tại công ty:** Thành viên HĐQT

**Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không

**Quá trình công tác:**

1966 - 1978	Đi học và tốt nghiệp PTTH tại Đà Nẵng
1978 - 1979	Thi đỗ Đại học Bách khoa Đà Nẵng, được chọn đi học ngoại ngữ (Tiếng Nga) tại Thành phố Hồ Chí Minh, chuẩn bị đi du học ở Liên Xô
1979 - 1984	Học tại trường Đại học Kỹ thuật Xây dựng Leningrad (Liên Xô)
1985 - 6/2001	Công tác tại viện thiết kế Xây dựng Quảng Nam - Đà Nẵng, sau được đổi tên thành Công ty tư vấn Thiết kế xây dựng Đà Nẵng. Từ năm 1997: giữ chức vụ Phó giám đốc.
7/2001 - 10/2016	Công tác tại Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng
6/2007	Được bổ nhiệm làm Giám đốc Công ty, được bầu làm Bí thư Đảng ủy
6/2010 - 10/2016	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty
11/2016 - 12/2019	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng
01/2020	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng
02/2020-03/2020	Nghỉ hưu theo chế độ
04/2020 - nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng

**1.3. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông:**



STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung thông qua
1	01/NQ-ĐHĐCĐ	29/4/2021	<ol style="list-style-type: none"> <li>Báo cáo Hội đồng quản trị về quản trị, kết quả hoạt động của HĐQT năm 2020 và kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2021.</li> <li>Báo cáo của Ban điều hành về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2021.</li> <li>Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021.</li> <li>Báo cáo tài chính và Phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch tài chính và Phân phối lợi nhuận năm 2021.</li> <li>Thông qua Tờ trình báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán. (TT số 01/TTr-HĐQT ngày 29/4/2021).</li> <li>Thông qua Tờ trình trích lập quỹ, phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch trích lập quỹ, phân phối lợi nhuận năm 2021. (TT số 02/TTr-HĐQT ngày 29/4/2021).</li> <li>Thông qua Tờ trình báo cáo quỹ lương và thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2020 và kế hoạch quỹ lương và thù lao năm 2021. (TTr số 03/TTr-HĐQT ngày 29/4/2021).</li> <li>Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021. (TT số 01/2021/TTr-BKS ngày 29/4/2021).</li> </ol>
2	02/NQ-ĐHĐCĐ	29/10/2021	<ol style="list-style-type: none"> <li>Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty với các nội dung sửa đổi, bổ sung; thông quy Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty cổ phần cấp nước Đà Nẵng. (TT số 01/TTr-HĐQT ngày 29/10/2021).</li> <li>Thông qua Tờ trình miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng do hết nhiệm kỳ 2016-2021. (TT số 02/TTr-HĐQT ngày 29/10/2021).</li> <li>Thông qua Tờ trình miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng do hết nhiệm kỳ 2016-2021. (TT số 03/TTr-HĐQT ngày 29/10/2021).</li> <li>Thông qua Tờ trình và danh sách các ứng cử viên để bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới 2021-2026. (TT số 04/TTr-HĐQT ngày 29/10/2021).</li> </ol>

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung thông qua
			5. Thông qua Tờ trình và danh sách các ứng cử viên để bầu Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới 2021-2026. (TT số 05/TTr-HĐQT ngày 29/10/2021). 6. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng nhiệm kỳ 2021-2026 kể từ ngày 29/10/2021. 7. Danh sách thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng nhiệm kỳ 2021-2026 kể từ ngày 29/10/2021.

#### 1.4 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã thực hiện 23 cuộc họp Hội đồng quản trị. Tất cả các cuộc họp Hội đồng quản trị đều có sự tham dự đầy đủ của Ban Kiểm soát.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ %
1	Ông Hồ Hương	Chủ tịch HĐQT	23/23	100
2	Ông Đặng Thanh Bình	Phó Chủ tịch HĐQT	23/23	100
3	Ông Hồ Minh Nam	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	02/23	8,7
4	Ông Lê Đức Quý	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	23/23	100
5	Ông Nguyễn Trường Ảnh	Thành viên HĐQT	23/23	100

#### 1.5 Về hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc (TGD):

Hoạt động giám sát HĐQT đối với Tổng giám đốc được thực hiện thường xuyên, kịp thời và đầy đủ. Ngoài các phiên họp định kỳ, TGD cũng thường xuyên trao đổi với HĐQT để xử lý kịp thời và hiệu quả các vấn đề phát sinh.

HĐQT Công ty đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất theo hình thức mở rộng để các thành viên Ban Điều hành, Ban Kiểm soát và các bộ phận chuyên môn tham gia, đúng theo quy định tại Điều lệ Công ty, bám sát và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

HĐQT đã chủ động đánh giá, căn cứ tình hình thực tế của các đơn vị trong Công ty để ban hành các Nghị quyết và Quyết định theo đúng thẩm quyền và phù hợp với định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong năm 2021, HĐQT đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Công ty như thực hiện thí điểm Quy chế tiền lương mới, tái cấu trúc bộ máy nhân sự quản lý, sắp xếp lại lao động nhằm giảm tối đa các bất cập, chùng chéo trong xử lý công việc, tạo môi trường làm việc gắn kết, phát huy năng suất và hiệu quả làm việc của người lao động vì mục tiêu phát triển Công ty ngày càng vững mạnh; hoàn thành dự án Nâng công suất

nhà máy nước Cầu Đỏ thêm 60.000 m<sup>3</sup>/ngày - GD2 và đã đưa vào vận hành chính thức trong tháng 07/2021, nâng tổng công suất các nhà máy nước là 350.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; đưa vào hoạt động Trung tâm quản lý vận hành hệ thống cấp nước, nâng cấp hệ thống điều khiển SCADA nhà máy nước Cầu Đỏ, Sân Bay đã bước đầu triển khai tự động hóa trong điều khiển vận hành cấp nước đảm bảo tính chính xác, kịp thời, hiệu quả trong việc kiểm soát áp lực, lưu lượng, chất lượng nước cấp trên toàn hệ thống, góp phần tiết kiệm chi phí (quản lý, vận hành, hóa chất, nhân công ...), nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước và giảm thất thoát nước...

#### **1.6. Về hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT:**

Tháng 12/2021, HĐQT đã ban hành Quyết định thành lập 02 Tiểu ban giúp việc cho hoạt động quản lý của HĐQT và trực thuộc HĐQT bao gồm:

1. Tiểu ban Đầu tư phát triển: Tham mưu cho HĐQT kế hoạch, biện pháp chi tiết để thực hiện hiệu quả công tác đầu tư phát triển; Chỉ đạo, thẩm tra, giám sát theo dõi Ban điều hành đảm bảo việc thực hiện công tác đầu tư phát triển (từ khâu chuẩn bị đầu tư đến kết thúc đầu tư) tuân thủ đúng quy định của pháp luật, mang lại hiệu quả cao.

2. Tiểu ban Phòng chống thất thu và thất thoát: Tham mưu cho HĐQT kế hoạch chi tiết để thực hiện hiệu quả công tác chống thất thu và thất thoát theo định kỳ hàng tháng, quý, năm với các tỷ lệ được HĐQT giao kế hoạch từ đầu năm; Chủ động đề xuất các kế hoạch, phương án hiệu quả để phòng chống thất thoát, thất thu và theo dõi, giám sát kế hoạch sau khi được HĐQT thông qua.

#### **1.7 Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị:**

Trong năm 2021, HĐQT đã ban hành các nghị quyết, quyết định về những vấn đề cụ thể như sau:

##### **a. Nghị quyết: Tổng cộng 07 Nghị quyết**

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	16/03/2021	V/v chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2021
2	02/NQ-HĐQT	16/07/2021	V/v thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021
3	03/NQ-HĐQT	04/08/2021	V/v thông qua chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 bằng tiền cho cổ đông
4	04/NQ-HĐQT	13/08/2021	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng
5	05/NQ-HĐQT	16/09/2021	V/v chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ bất thường năm 2021
6	06/NQ-HĐQT	29/10/2021	V/v bầu chức danh Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị và các chức danh Ban Điều hành Công ty
7	07/NQ-HĐQT	14/12/2021	V/v bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc và Người quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty

**b. Các Quyết định của Hội đồng quản trị:** Tổng cộng 16 quyết định

STT	Số quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/QĐ-HĐQT	04/01/2021	V/v ban hành chức năng nhiệm vụ Trung tâm quản lý vận hành HTCN
2	02/QĐ-HĐQT	11/03/2021	V/v điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế chi tiêu nội bộ
3	03/QĐ-HĐQT	14/04/2021	V/v thành lập BTC đại hội đồng cổ đông thường niên 2021
4	04/QĐ-HĐQT	14/04/2021	V/v thành lập các tiểu ban giúp việc Đại hội đồng cổ đông năm 2021
5	05/QĐ-HĐQT	29/03/2021	V/v điều chỉnh bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty CP cấp nước Đà Nẵng
6	06/QĐ-HĐQT	30/06/2021	V/v giải thể Ban Kinh doanh và QHKK thuộc Công ty
7	07/QĐ-HĐQT	12/10/2021	V/v thành lập các Tiểu ban giúp việc Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng năm 2021
8	08/QĐ-HĐQT	01/11/2021	V/v bổ nhiệm Tổng giám đốc Công ty
9	09/QĐ-HĐQT	01/11/2021	V/v bổ nhiệm lại Phó Tổng giám đốc Công ty cho Ông Lê Đức Quý
10	10/QĐ-HĐQT	01/11/2021	V/v bổ nhiệm lại Kế toán trưởng Công ty cho Ông Phan Thịnh
12	12/QĐ-HĐQT	06/12/2021	V/v thành lập Tiểu ban phòng chống thất thoát và thất thu
13	13/QĐ-HĐQT	06/12/2021	V/v thành lập Tiểu ban đầu tư phát triển
14	14/QĐ-HĐQT	14/12/2021	V/v bổ nhiệm lại Phó Tổng giám đốc Công ty cho Ông Trần Phước Thương
15	15/QĐ-HĐQT	29/12/2021	V/v thành lập Ban vật tư
16	16/QĐ-HĐQT	29/12/2021	V/v thành lập Trung tâm Công nghệ Thông tin Dawaco

**2. Ban Kiểm soát**

**2.1 Danh sách thành viên Ban Kiểm soát:**

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu	Ngày không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1.	Nguyễn Thị Thu Hà	Trưởng Ban KS	29/10/2016	29/10/2021	Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành Kế toán
			29/10/2021		

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu	Ngày không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
2.	Phạm Thị Quế Chi	Thành viên BKS, Kiểm soát viên chuyên trách	29/10/2016	29/10/2021	Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành Kế toán
			29/10/2021		
3.	Võ Thị Hòa	Thành viên BKS không chuyên trách	24/04/2018	29/10/2021	Thạc sỹ chuyên ngành Kế toán
4.	Thái Quốc Khánh	Thành viên BKS không chuyên trách	29/10/2021		Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán; Thạc sỹ tài chính; Tiến sĩ Quản trị kinh doanh

## 2.2 Lý lịch thành viên Ban Kiểm soát

### ❖ NGUYỄN THỊ THU HÀ – Trưởng Ban kiểm soát

**Họ và tên** : Nguyễn Thị Thu Hà

**Ngày sinh** : 18/01/1973 **Giới tính** : Nữ

**Dân tộc** : Kinh **Quốc tịch** : Việt Nam

**Quê quán** : Quế Phú - Quế Sơn - Quảng Nam

**Nơi ở hiện tại**: 86/2 Đồng Đa, P. Thuận Phước, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

#### **Trình độ:**

+ Văn hóa : 12/12

+ Chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

**Chức vụ hiện nay tại công ty**: Trưởng Ban kiểm soát

**Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác**: Không

#### **Quá trình công tác:**

1973 - 1991 Còn nhỏ ở với gia đình, đi học và tốt nghiệp PTTH.

1991 - 1995 Học và tốt nghiệp Đại học Kinh tế.

10/1995 - 2/2006 Chuyên viên kinh doanh, Công ty CP Hóa dầu Petrolimex CN Đà Nẵng.

3/2006 - 5/2011 Phụ trách kế toán, Công ty CP Nhựa đường Petrolimex CN Đà Nẵng.

6/2011 - 9/2016 Trưởng phòng Kế toán tổng hợp, Công ty Hóa dầu Quân đội, CN Đà Nẵng.

10/2016 Giám đốc Ban tài chính tại Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng - Miền Trung.

11/2016 - nay Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng.

### ❖ PHẠM THỊ QUẾ CHI – Kiểm soát viên

**Họ và tên** : Phạm Thị Quế Chi

Ngày sinh : 16/12/1977                      Giới tính : Nữ  
Dân tộc : Kinh                                      Quốc tịch : Việt Nam  
Quê quán : Hòa Quý - Ngũ Hành Sơn - Đà Nẵng  
Nơi ở hiện tại: 52/14b Phan Thanh, P. Thạch Gián, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

**Trình độ:**

- + Văn hóa : 12/12
- + Chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

**Chức vụ hiện nay tại công ty:** Kiểm soát viên kiêm Giám đốc Ban Hành chính – Nhân sự

**Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không

**Quá trình công tác:**

1977 - 1995	Còn nhỏ ở với gia đình, đi học và tốt nghiệp PTTH.
1996 - 9/2014	Làm việc tại Phòng Kế toán, Công ty TNHH MTV Cấp nước ĐN.
10/2014 - 10/2016	Phó Phòng Kế toán – Tài chính, Công ty TNHH MTV Cấp nước ĐN.
11/2016 - 06/2017	Kiểm soát viên kiêm Phó phòng Kế toán Tài chính Công ty Cổ phần Cấp nước ĐN.
01/07/2017 - 2019	Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng
2019 - 12/2021	Kiểm soát viên kiêm Quyền Giám đốc Ban Hành chính – Nhân sự Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng
01/2021 - nay:	Kiểm soát viên kiêm Giám đốc Ban Hành chính – Nhân sự Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng

❖ **THÁI QUỐC KHÁNH: Kiểm soát viên không chuyên trách**

Họ và tên : THÁI QUỐC KHÁNH  
Ngày, tháng, năm sinh: 01/09/1979                      Giới tính: Nam  
Dân tộc : Kinh                                      Quốc tịch: Việt Nam  
Quê quán : Xã Trung Nam, huyện Vĩnh Linh, Tỉnh Quảng Trị  
Địa chỉ hiện nay : 25 Tân Lập 2, Thạch Thang, Hải Châu, TP Đà Nẵng

**Trình độ:**

- + Văn hóa : 12/12
- + Chuyên môn: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán;  
Thạc sỹ tài chính; Tiến sĩ Quản trị kinh doanh

**Chức vụ hiện nay :** Phó trưởng phòng Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính TP ĐN,  
Kiểm soát viên không chuyên trách Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng

**Quá trình công tác:**

12/2001 - 9/2007	Chuyên viên phòng Nghiệp vụ I, Chi cục Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính TP Đà Nẵng
10/2007 - 12/2008	Học Thạc sĩ Khoa học Tài chính tại trường Đại học Portsmouth, Anh Quốc



01/2009 - 12/2011	Chuyên viên phòng Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính TP Đà Nẵng
12/2012 - 10/2016	Phó trưởng phòng Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính TP Đà Nẵng
11/2016 - 09/2017	Phó trưởng phòng Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính TP Đà Nẵng, Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng
10/2020 - đến nay	Phó trưởng phòng Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính TP Đà Nẵng
10/2021 - đến nay	Kiểm soát viên không chuyên trách Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng - Nhiệm kỳ 2021 - 2026

### **2.3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban điều hành và cổ đông:**

Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban. Tham gia đóng góp ý kiến với những nội dung liên quan đến công tác sản xuất kinh doanh như: quản lý vật tư hàng tồn kho, đẩy nhanh quyết toán các công trình XD/CB, xây dựng phương án khoán lương cho các xí nghiệp cấp nước trực thuộc.

Giám sát hoạt động của HĐQT, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban TGD theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

Ban Kiểm soát đã kiểm tra, giám sát việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Ban TGD trong quá trình quản trị Công ty nhằm đảm bảo xây dựng các định hướng và chủ trương điều hành Công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp với chủ trương của Đại hội đồng cổ đông.

BKS đã thẩm định Báo cáo tài chính Quý, Báo cáo tài chính năm 2021, Báo cáo tài chính bán niên đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt là đơn vị được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán các công ty niêm yết.

### **2.4. Sự phối hợp giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác:**

Các thành viên Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Ban Kiểm soát và Hội đồng quản trị để nắm bắt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trên cơ sở các nội dung cuộc họp, Ban kiểm soát đã chuẩn bị các ý kiến đóng góp thuộc thẩm quyền, sát với tình hình kinh doanh nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

BKS thường xuyên trao đổi HĐQT, Ban Điều hành và các Giám đốc, Phó Giám đốc ban trong Công ty để đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực trong việc thực hiện các nhiệm vụ SXKD của Công ty nhằm đạt các chỉ tiêu mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua.

Giám sát việc thực thi công bố thông tin của Công ty theo quy định của Luật Chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

### **2.5. Đào tạo về quản trị công ty:**

Năm 2021, do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn ra phức tạp nên các hoạt động về đào tạo cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành, Kế toán trưởng, Thư ký Công ty đang tạm hoãn.

### **3. Các giao dịch và việc thực hiện các quy định về quản trị công ty của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát**

- ❖ **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** không có
- ❖ **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** không có
- ❖ **Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:**



Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng Pháp luật, Điều lệ, quy chế quản trị, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG**

*Người đại diện theo pháp luật*

**TỔNG GIÁM ĐỐC**





.... BÁO CÁO TÀI CHÍNH ....

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**<sup>®</sup>)

*Công ty thành viên của JPA International*

Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Chi nhánh Đà Nẵng : 63/5 Trần Quốc Toản, Phường Phước Ninh,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Email : [contact@vietvalues.com](mailto:contact@vietvalues.com)

Website : [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



# **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH**

**KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG**

**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021	12 - 45

---

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng và Công ty con là Công ty TNHH MTV Xây lắp Cấp thoát nước Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

### **1. Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng theo Quyết định số 5354/QĐ-UBND ngày 09/08/2016 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101066 ngày 01/07/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này đã được điều chỉnh 9 lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 01/11/2021), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông tại sàn Upcom của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 509/QĐ-SGDHN ngày 07/07/2017 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DNN. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 17/07/2017.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 579.640.610.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2021: 579.640.610.000 đồng.

#### **Cấu trúc Tập đoàn**

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ, 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

#### **Công ty con được hợp nhất**

<b>Tên Công ty</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Ngành nghề kinh doanh chủ yếu</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ</b>	<b>Quyền biểu quyết của Công ty mẹ</b>
Công ty TNHH MTV Xây Lắp Cấp Thoát Nước Đà Nẵng	10 Trịnh Công Sơn, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước	100,00%	100,00%

### **2. Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Số 57 Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.
- Điện thoại : (84) 236.3697333
- Fax : (84) 236.3697222
- Email : Dawaco@vnn.vn

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG**

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Lập dự án đầu tư xây dựng. Tư vấn, thiết kế và lập tổng dự toán các hệ thống công trình cấp thoát nước có quy mô vừa và nhỏ. Khảo sát địa hình, địa chất, thăm tra hồ sơ thiết kế dự toán, giám sát thi công, quản lý đầu tư xây dựng các công trình cấp thoát nước từ nhóm B trở xuống;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông, cầu đường, thủy lợi, cấp thoát nước, công trình điện đến 35 KV;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: kiểm định, cân đo đồng hồ nước;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước uống đóng chai;
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt xây dựng công trình cấp nước;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị chuyên ngành xây dựng cấp thoát nước.

### **4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### **4.1 Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hồ Hương	Chủ tịch	29/10/2021	
Ông Đặng Thanh Bình	Phó chủ tịch	29/10/2021	
Ông Hồ Minh Nam	Thành viên	29/10/2021	
Ông Lê Đức Quý	Chủ tịch	25/02/2020	29/10/2021
	Thành viên	29/10/2021	
Ông Nguyễn Trường Ảnh	Thành viên	29/10/2021	

#### **4.2. Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Trưởng ban	29/10/2021	
Bà Phạm Thị Quế Chi	Thành viên	29/10/2021	
Ông Thái Quốc Khánh	Thành viên	29/10/2021	
Bà Võ Thị Hòa	Thành viên	29/10/2016	29/10/2021

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG**

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

### **4.3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hồ Minh Nam	Tổng Giám đốc	29/10/2021	
Ông Hồ Hương	Tổng Giám đốc	01/11/2016	29/10/2021
Ông Lê Đức Quý	Phó Tổng Giám đốc	29/10/2021	
Ông Trần Phước Thương	Phó Tổng Giám đốc	14/12/2021	
Ông Hồ Minh Nam	Phó Tổng Giám đốc	01/11/2016	29/10/2021
Ông Phan Thịnh	Kế toán trưởng	29/10/2021	

### **5. Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hồ Hương	Tổng Giám đốc	01/11/2016	29/10/2021
Ông Hồ Minh Nam	Tổng Giám đốc	29/10/2021	

### **6. Đánh giá tình hình hoạt động**

Kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 8 đến trang 45.

### **7. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **8. Kiểm toán viên**

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Tập đoàn. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn.

### **9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG**

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, tình hình hoạt động hợp nhất của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**10. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**HỒ MINH NAM**

**Tổng Giám đốc**

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 3 năm 2022





Số: 09/2022/BCKT/AUD-DNVVALUES

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CÒ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng và Công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”), được lập ngày 12 tháng 03 năm 2022, từ trang 08 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại điểm (i), Thuyết minh số V.8b, Tập đoàn phân bổ khoản lỗ do chênh lệch tỷ giá phát sinh năm 2006 từ khoản vay ODA của Pháp với kỳ hạn 10 năm (kể từ năm 2013) theo hướng dẫn tại Công văn số 2292/UBND-KTTH ngày 31/03/2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng. Theo đó, lũy kế số đã phân bổ vào chi phí tài chính từ các năm 2013 đến năm 2021 là 35.502.973.956 đồng; Số còn lại hiện đang theo dõi ở khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn” là 3.944.774.879 đồng. Việc hạch toán chênh lệch tỷ giá như trên là chưa phù hợp với quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Nếu ghi nhận theo đúng quy định của Chuẩn mực thì các khoản lỗ phát sinh từ chênh lệch tỷ giá cần được hạch toán vào chi phí của các niên độ kế toán liên quan và khoản mục chi phí tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2021 sẽ



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Số 57 Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Q. Hai Châu, TP. Đà Nẵng

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
1	2	3	4	5
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>581.095.443.977</b>	<b>703.000.830.752</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>29.030.108.717</b>	<b>14.780.871.526</b>
111	1. Tiền		18.986.478.580	14.780.871.526
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.043.630.137	-
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>370.910.239.433</b>	<b>471.329.066.135</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	370.910.239.433	471.329.066.135
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>46.091.008.849</b>	<b>54.065.787.230</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	22.061.668.337	16.213.942.961
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	5.161.838.114	24.394.889.597
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	26.783.713.669	20.584.625.437
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(7.916.211.271)	(7.127.670.765)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.7	<b>42.781.332.653</b>	<b>91.809.302.077</b>
141	1. Hàng tồn kho		42.781.332.653	91.809.302.077
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>92.282.754.325</b>	<b>71.015.803.784</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8a	637.838.139	146.034.397
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	V.14	31.720.907.392	20.225.556.962
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	59.924.008.794	50.644.212.425
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>903.689.210.157</b>	<b>646.020.198.202</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
216	2. Phải thu dài hạn khác		100.000.000	100.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>550.101.843.089</b>	<b>423.714.530.176</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	549.112.361.836	423.026.373.928
222	- Nguyên giá		1.842.116.098.164	1.647.504.461.322
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.293.003.736.328)	(1.224.478.087.394)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.10	989.481.253	688.156.248
228	- Nguyên giá		9.696.575.951	8.961.375.951
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.707.094.698)	(8.273.219.703)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>335.926.497.628</b>	<b>195.147.994.896</b>
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	335.926.497.628	195.147.994.896
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>17.560.869.440</b>	<b>27.057.673.130</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8b	17.560.869.440	27.057.673.130
269	2. Lợi thế thương mại		-	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.484.784.654.134</b>	<b>1.349.021.028.954</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG**

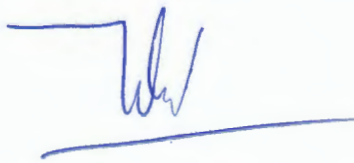
Địa chỉ: Số 57 Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
1	2	3	4	5
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>703.314.778.158</b>	<b>564.254.918.416</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>247.012.634.584</b>	<b>180.175.384.427</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	48.950.840.736	31.227.613.379
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	1.023.684.485	1.041.688.330
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	4.291.464.568	4.225.527.985
314	4. Phải trả người lao động	V.15	21.094.290.916	23.107.492.825
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	1.055.060.419	1.011.955.129
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.17a	135.572.299.506	90.325.435.956
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.18a	31.201.247.040	23.949.280.625
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.19	3.823.746.914	5.286.390.198
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>456.302.143.574</b>	<b>384.079.533.989</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.17b	134.375.826.597	149.482.704.224
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.18b	319.382.672.696	222.843.250.908
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		161.444.859	171.715.275
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		2.382.199.422	11.581.863.582
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>781.469.875.976</b>	<b>784.766.110.538</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.20	<b>780.172.961.873</b>	<b>783.229.766.135</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		579.640.610.000	579.640.610.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		579.640.610.000	579.640.610.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		8.993.538.265	8.993.538.265
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		65.152.916.904	59.152.916.904
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		126.385.896.704	135.442.700.966
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		57.141.967.509	45.330.308.263
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		69.243.929.195	90.112.392.703
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>1.296.914.103</b>	<b>1.536.344.403</b>
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		1.296.914.103	1.536.344.403
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.484.784.654.134</b>	<b>1.349.021.028.954</b>

Người lập biểu



PHẠM HỒNG MINH

Kế toán trưởng



PHAN THỊNH

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám Đốc



HỒ MINH NAM

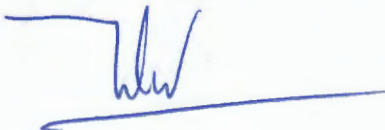
## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	VI.1	467.306.780.695	491.314.677.663
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		467.306.780.695	491.314.677.663
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	267.325.635.795	258.615.277.921
20	<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		199.981.144.900	232.699.399.742
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	21.024.431.489	29.458.991.777
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	15.688.241.270	10.726.908.053
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		11.664.724.978	6.419.322.254
24	8. Phần lỗ hoặc lãi trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.5	36.715.829.914	42.541.718.592
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	42.467.887.695	53.781.952.918
30	<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		126.133.617.510	155.107.811.956
31	12. Thu nhập khác	VI.7	11.565.924.652	5.682.626.990
32	13. Chi phí khác		901.945.379	29.874.953
40	<b>14. Lợi nhuận khác</b>		10.663.979.273	5.652.752.037
50	<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		136.797.596.783	160.760.563.993
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.14	15.396.283.104	18.489.180.992
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	V.14	(10.270.416)	(8.664.602)
60	<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		121.411.584.095	142.280.047.603
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		121.411.584.095	142.280.047.603
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-
70	<b>21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	VI.8	2.095	2.277
71	<b>22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	VI.9	2.095	2.277

Người lập biểu



**PHẠM HỒNG MINH**

Kế toán trưởng



**PHAN THỊNH**



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

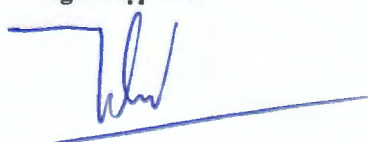
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

DVT: VND

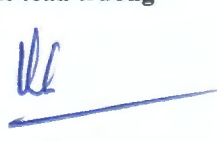
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>136.797.596.783</b>	<b>160.760.563.993</b>
02	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.9, V.11	69.862.096.570	67.756.828.234
03	- Các khoản dự phòng		788.540.506	1.284.463.915
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(275.644.449)	62.428.580
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.3	(20.670.045.632)	(29.158.609.442)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	11.664.724.978	6.419.322.254
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>198.167.268.756</b>	<b>207.124.997.534</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(4.642.368.974)	(31.499.936.207)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		49.027.969.424	(65.169.139.689)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		139.002.017.158	83.557.381.345
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		9.004.999.948	(3.212.457.624)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(11.596.611.978)	(6.344.681.197)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.14	(25.171.177.517)	(37.661.238.656)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(11.741.831.471)	(11.381.871.610)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>342.050.265.346</b>	<b>135.413.053.896</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(439.926.927.531)	(205.753.402.802)
23	2.. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(423.741.850.369)	(241.039.612.578)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		524.160.677.071	313.438.209.341
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		21.835.947.895	29.158.609.442
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(317.672.152.934)</b>	<b>(104.196.196.597)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay	VII.1	126.463.920.510	105.736.021.620
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	VII.2	(22.399.186.888)	(19.917.986.765)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.20	(114.189.200.170)	(114.189.200.170)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(10.124.466.548)</b>	<b>(28.371.165.315)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>		<b>14.253.645.864</b>	<b>2.845.691.984</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>14.780.871.526</b>	<b>11.935.899.789</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(4.408.673)	(720.247)
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	V.1	<b>29.030.108.717</b>	<b>14.780.871.526</b>

Người lập biểu



PHẠM HỒNG MINH

Kế toán trưởng



PHAN THỊNH

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 03 năm 2022



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

### **Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng và 01 Công ty con là Công ty TNHH MTV Xây lắp Cấp thoát nước Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

##### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng theo Quyết định số 5354/QĐ-UBND ngày 09/08/2016 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101066 ngày 01/07/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này đã được điều chỉnh 9 lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 01/11/2021), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông tại sàn Upcom của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 509/QĐ-SGDHN ngày 07/07/2017 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DNN. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 17/07/2017.

##### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Tập đoàn kinh doanh trong nhiều lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt.

##### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Tập đoàn là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Lập dự án đầu tư xây dựng. Tư vấn, thiết kế và lập tổng dự toán các hệ thống công trình cấp thoát nước có quy mô vừa và nhỏ. Khảo sát địa hình, địa chất, thăm tra hồ sơ thiết kế dự toán, giám sát thi công, quản lý đầu tư xây dựng các công trình cấp thoát nước từ nhóm B trở xuống;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: kiểm định, cân đo đồng hồ nước;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước uống đóng chai;
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt xây dựng công trình cấp nước;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị chuyên ngành xây dựng cấp thoát nước.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG**

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Tập đoàn thường kéo dài không quá 12 tháng.

**5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**

Do năm 2021 dịch bệnh Covid19 tiếp tục diễn biến phức tạp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, theo đó một số khách hàng là các Công ty, nhà máy, nhà hàng, khách sạn và các cơ quan đơn vị trên địa bàn thành phố Đà Nẵng có sản lượng tiêu thụ nước sạch sụt giảm làm cho doanh thu ngành nước năm 2021 giảm so với năm 2020 khoảng 5%, theo đó lãi gộp ngành nước giảm khoảng 13%. Do tình hình dịch bệnh đang tiếp tục diễn ra nên khả năng năm 2022 doanh thu ngành nước có thể tiếp tục sụt giảm so với năm 2021. Tuy nhiên, nhìn chung mức độ ảnh hưởng của dịch bệnh đến kết quả kinh doanh của công ty là không đáng kể so với các lĩnh vực khác trên địa bàn.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi qui mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn trong năm.

**6. Cấu trúc Tập đoàn**

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

Số lượng Công ty con được hợp nhất: 01 Công ty

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Xây Lắp Cấp Thoát Nước Đà Nẵng	10 Trịnh Công Sơn, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước	100,00%	100,00%

**7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 530 nhân viên đang làm việc. (Tại ngày 31/12/2020 là 528 nhân viên).

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.



### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Cơ sở hợp nhất**

##### ***Hợp nhất với Công ty con***

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 bao gồm Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng và 01 Công ty con là Công ty TNHH MTV Xây lắp Cấp thoát nước Đà Nẵng. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG**

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**4. Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**5. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG**

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

**6. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

**Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

**Chênh lệch tỷ giá**

Chênh lệch tỷ giá phát sinh năm 2006 từ khoản vay ODA của Pháp để thực hiện các dự án cải tạo hệ thống cấp nước Thành phố Đà Nẵng giai đoạn IIIa và dự án cải tạo, mở rộng Nhà máy nước sân bay Đà Nẵng giai đoạn IIb với tổng số tiền 39.447.748.835 đồng. Theo Công văn số 2292/UBND-KTTH ngày 31/03/2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng, Công ty thực hiện phân bổ vào chi phí trong 10 năm (kể từ năm 2013).

### **Chi phí trả trước khác**

Chi phí trả trước khác được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

### **7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tập đoàn khấu hao theo Thông tư 45/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2014 của Bộ Tài chính, số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc thiết bị	06 – 15
Phương tiện vận tải	05 – 15
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	06 - 12

### **8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### **Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG**

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 - 10 năm.

**9. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng không quá 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG**

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**11. Vốn chủ sở hữu**

**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Tập đoàn.

**Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**12. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

**Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG**

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động**

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

**Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

**14. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm/kỳ trước, đến năm nay/kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ năm tài chính kết thúc ngày 31/13/2021 của kỳ sau.

**15. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

**16. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỉ giá hối đoái ....

**17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

**18. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**19. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc



chấn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## **20. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG**

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty giao dịch thanh toán.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty giao dịch thanh toán.

Tỷ giá mua chuyển khoản của các ngân hàng mà Công ty giao dịch tại 31/12/2021 như sau:

	<b>Mua chuyển khoản</b>
	<b>VND/USD</b>
TMCP Ngoại Thương VN - CN Đà Nẵng- USD	22.640

**21. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**22. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (đơn vị tính: VNĐ)**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền mặt	10.573.352	18.656.935
Tiền gửi ngân hàng	18.975.905.228	14.762.214.591
Tương đương tiền	1.850.855.076	-
<b>Cộng</b>	<b>18.986.478.580</b>	<b>14.780.871.526</b>

**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm	370.910.239.433	370.910.239.433	471.329.066.135	471.329.066.135
<b>Cộng</b>	<b>370.910.239.433</b>	<b>370.910.239.433</b>	<b>471.329.066.135</b>	<b>471.329.066.135</b>

**3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b>22.061.668.337</b>	<b>16.213.942.961</b>
- Công ty TNHH BT Ngã Ba Huế Trung Nam	4.237.291.000	4.237.291.000
- Công ty TNHH Xây Dựng & Thương Mại Nhất Huy	2.601.410.845	1.423.437.670
- Các khách hàng khác	15.222.966.492	10.553.214.291
<b>Cộng</b>	<b>22.061.668.337</b>	<b>16.213.942.961</b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<b>5.161.838.114</b>	<b>24.394.889.597</b>
- Công ty CP Xây dựng số 5 (*)	1.368.132.396	-
- Công ty CP Thiết bị Đông Đô	-	11.177.287.825
- Công ty TNHH Cơ điện Hawaco	-	9.063.946.173
- Công ty TNHH Mai Phương Minh (**)	1.269.400.000	-
- Các đối tượng người bán khác	2.524.305.718	4.153.655.599
<b>Cộng</b>	<b>5.161.838.114</b>	<b>24.394.889.597</b>

(\*) Tạm ứng 20% HĐ 49/2021/HĐXD Thi công phần xây dựng cải tạo nâng tầng nhà làm việc Dawaco.

(\*\*) Tạm ứng HĐ 72/2020/HĐTC-BQL ngày 31/12/2020 v/v Thi công công trình Tuyến ống D1200, 800 Thăng Long và Tạm ứng HĐ 68/2020/HĐTC-BQL ngày 31/12/2020 v/v Thi công công trình Tuyến ống D1000, 800 Hòa Liên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG**  
 Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>9.272.281.178</b>	-	<b>8.715.693.881</b>	-
- Lãi dự thu	9.072.520.144	-	7.906.617.881	-
- Tạm ứng	199.761.034	-	809.076.000	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	16.572.842.506	-	9.877.778.686	-
- Phải thu khác	938.589.985	-	1.991.152.870	-
<b>Cộng</b>	<b>26.783.713.669</b>	-	<b>20.584.625.437</b>	-

**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	31/12/2021	01/01/2021
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	6.795.648.711	6.290.122.353
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	577.052.363	240.885.649
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	334.229.630	187.266.042
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	209.280.567	409.396.721
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.916.211.271</b>	<b>7.127.670.765</b>

**Biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.127.670.765	5.843.206.850
Tăng trong năm	788.540.506	1.284.463.915
Giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.916.211.271</b>	<b>7.127.670.765</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG**  
 Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**7. Hàng tồn kho**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	38.011.096.250	-	87.346.545.876	-
Công cụ, dụng cụ	371.292.596	-	326.748.871	-
Chi phí SXKD dở dang	4.398.943.807	-	4.136.007.330	-
<b>Cộng</b>	<b>42.781.332.653</b>	<b>-</b>	<b>91.809.302.077</b>	<b>-</b>

- Nguyên vật liệu là các loại vật liệu thuộc ngành nước như ống nước, đồng hồ, mặt bích, van nước, vòi nước, roăng cao su các loại, hóa chất xử lý nước...; các vật liệu dùng cho hoạt động xây lắp như sắt, thép, cát; nhiên liệu dùng cho xe máy như xăng, dầu, nhớt và một số vật liệu khác.
- Công cụ dụng cụ là các loại bảo hộ lao động, dụng cụ vệ sinh
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là giá trị chi phí các công trình xây dựng dở dang tại 31/12/2021 chưa được nghiệm thu thanh toán.
- Thành phẩm là nước uống đóng chai.
- Cuối kỳ, Tập đoàn không có hàng tồn kho kém mất phẩm chất, ứ đọng tại ngày 31/12/2021
- Tập đoàn không có hàng tồn kho thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2021.

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**

**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	508.047.277	27.114.607
Chi phí bảo hiểm	118.472.000	115.011.040
Chi phí kiểm định hiệu chuẩn phương tiện đo đồng hồ	7.446.987	-
Phí bảo trì phần mềm	3.871.875	3.908.750
<b>Cộng</b>	<b>637.838.139</b>	<b>146.034.397</b>

**Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn**

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	146.034.397	-
Tăng trong năm	734.804.457	370.417.667
Phân bổ trong năm	(243.000.715)	(224.383.270)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>637.838.139</b>	<b>146.034.397</b>

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Chênh lệch tỷ giá của khoản vay vốn ODA (i)	3.944.774.879	7.889.549.763
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	9.552.230.670	13.955.201.954
Chi phí lắp đặt ống nhánh	4.000.939.596	5.122.163.790
Phần mềm kế toán	7.956.553	17.789.881
Phí kiểm định đồng hồ	-	72.967.742
Phí hỗ trợ xây dựng HT Quản lý Phòng TN phù hợp ISO/IEC 17025: 2017	54.967.742	-
<b>Cộng</b>	<b><u>17.560.869.440</u></b>	<b><u>27.057.673.130</u></b>

- (i) Đây là chênh lệch tỷ giá phát sinh năm 2006 từ khoản vay ODA của Pháp để thực hiện các dự án cải tạo hệ thống cấp nước Thành phố Đà Nẵng giai đoạn IIIa và dự án cải tạo, mở rộng Nhà máy nước sân bay Đà Nẵng giai đoạn IIIb với tổng số tiền 39.447.748.835 đồng. Theo Công văn số 2292/UBND-KTTH ngày 31/03/2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng, Công ty thực hiện phân bổ vào chi phí trong 10 năm (kể từ năm 2013). Theo đó, lũy kế số đã phân bổ vào chi phí tài chính từ các năm 2013 đến 31/12/2021 là 35.502.973.956 đồng; Số còn lại hiện đang theo dõi ở khoản mục chi phí trả trước dài hạn 3.944.774.879 đồng.

**Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	27.057.673.130	23.991.249.903
Tăng trong năm	12.376.265.364	25.699.650.489
Phân bổ trong năm	(21.873.069.054)	(22.633.227.262)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>17.560.869.440</u></b>	<b><u>27.057.673.130</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG**

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiền vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	168.638.635.542	122.154.159.076	1.349.670.150.363	6.314.509.670	727.006.671	1.647.504.461.322
Tăng trong năm	2.503.626.692	15.362.381.749	177.017.513.700	1.325.351.707	-	196.208.873.848
Giảm trong năm	-	(864.546.182)	(732.690.824)	-	-	(1.597.237.006)
<b>Số cuối năm</b>	<b>171.142.262.234</b>	<b>136.651.994.643</b>	<b>1.525.954.973.239</b>	<b>7.639.861.377</b>	<b>727.006.671</b>	<b>1.842.116.098.164</b>
<b>Khấu hao</b>						
Số đầu năm	134.796.496.825	53.513.277.058	1.031.038.855.650	4.846.639.628	282.818.233	1.224.478.087.394
Khấu hao trong năm	10.128.869.942	12.339.581.918	46.441.000.694	425.657.868	93.111.153	69.428.221.575
Giảm trong năm	-	(438.036.948)	(464.535.693)	-	-	(902.572.641)
<b>Số cuối năm</b>	<b>144.925.366.767</b>	<b>65.414.822.028</b>	<b>1.077.015.320.651</b>	<b>5.272.297.496</b>	<b>375.929.386</b>	<b>1.293.003.736.328</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	33.842.138.717	68.640.882.018	318.631.294.713	1.467.870.042	444.188.438	423.026.373.928
<b>Số cuối năm</b>	<b>26.216.895.467</b>	<b>71.237.172.615</b>	<b>448.939.652.588</b>	<b>2.367.563.881</b>	<b>351.077.285</b>	<b>549.112.361.836</b>

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 894.645.074.166 đồng.

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết chờ thanh lý tại ngày 31/12/2021 là 0 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đang cầm cố, thế chấp các khoản nợ vay tại 31/12/2021 là 36.411.749.246 đồng (xem tại thuyết minh số V.18).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG**

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****10. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm kê toán	Phần mềm quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	54.000.000	8.907.375.951	8.961.375.951
Tăng trong năm	-	735.200.000	735.200.000
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>54.000.000</b>	<b>9.642.575.951</b>	<b>9.696.575.951</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu năm	54.000.000	8.219.219.703	8.273.219.703
Khấu hao trong năm	-	433.874.995	433.874.995
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>54.000.000</b>	<b>8.653.094.698</b>	<b>8.707.094.698</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	-	688.156.248	688.156.248
Số cuối năm	-	<b>989.481.253</b>	<b>989.481.253</b>

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 8.240.575.951 đồng.

Không có tài sản cố định hữu hình đang cầm cố, thế chấp các khoản nợ vay tại 31/12/2021.

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2021	01/01/2021
- Tuyến ống Hòa Liên (Đoạn từ NMN Hòa Liên đến Đường số 2 KCN Hòa Khánh) (*)	65.544.438.475	-
- Tuyến ống D800 DI đường số 2 KCN Hòa Khánh (*)	10.590.906.176	10.590.906.176
- Tuyến ống D1200 siphong phòng mặn qua Cầu Đò	-	5.921.295.033
- Dự án Nâng CS Nhà máy nước Cầu Đò thêm 120.000 m3/ngày, phân kỳ 1 (*)	27.567.358.207	7.479.557.520
- Dự án Nâng CS Nhà máy nước Cầu Đò thêm 120.000 m3/ngày, phân kỳ 2 (*)	2.290.918.010	10.699.482.996
- Dự án Nhà máy nước Hồ Hòa Trung 10.000 m3/ngày (*)	41.448.219.255	41.303.079.013
- Lắp đặt hệ thống tự động hóa NMN Cầu Đò	-	-
- Nâng công suất trạm bơm phòng mặn An Trạch từ 210.000 m3/ngày lên 420.000 m3/ngày (*)	4.533.455.077	1.679.346.963
- Dự án MR HTCN thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2012 - 2018 (*)	24.374.217.723	24.025.456.247
- Lắp đặt tuyến ống D500 & D400 DI đường Võ Nguyên Giáp - Hoàng Sa (đoạn từ đường Hồ Xuân Hương - Nguyễn Phan Vinh) (*)	2.385.518.933	28.912.214.540
- Lắp đặt tuyến ống D500 & D400 DI đường Võ Nguyên Giáp - Trường Sa (đoạn từ đường Hồ Xuân Hương - Võ Quý Huân) (*)	24.009.285.582	7.555.300.082
- Tuyến ống CN đường Thăng Long (đoạn từ NMN Cầu Đò đến cầu Tuyên Sơn) D1200, DI100 (*)	82.035.394.511	10.186.809.550
- Tuyến ống DN 600 Hồ Xuân Hương	204.972.143	4.339.512.009
- Các công trình khác	50.941.813.536	42.455.034.767
<b>Cộng</b>	<b>335.926.497.628</b>	<b>195.147.994.896</b>

(\*) Giá trị chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang đang dùng cầm cố thế chấp các khoản vay ngân hàng tại 31/12/2021 là 274.188.805.773 đồng (xem tại thuyết minh số V.18).



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG**  
 Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các người bán khác</i>	<b>48.950.840.736</b>	<b>31.227.613.379</b>
Công ty CP Kỹ thuật Á Châu	15.100.579.087	8.410.236.061
Công ty Tư vấn EPTISA	4.524.011.380	4.524.011.380
Công ty Cổ Phần thiết bị Đông Đô	-	1.800.252.000
Công ty TNHH Cơ điện HAWACO	5.044.205.652	-
Các đối tượng người bán khác	24.282.044.617	16.493.113.938
<b>Cộng</b>	<b>48.950.840.736</b>	<b>31.227.613.379</b>

Trong đó, nợ quá hạn thanh toán tại thời điểm 31/12/2021 là 0 đồng.

**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
<i>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</i>	-	-
<i>Người mua trả tiền trước là các khách hàng khác</i>	<b>1.023.684.485</b>	<b>1.041.688.330</b>
Công ty CP Đầu tư XD&PT Hạ tầng Nam Việt Á (*)	258.860.783	258.860.783
Trung Tâm Phát Triển Quý đất Thành Phố Đà Nẵng (*)	210.986.000	210.986.000
BQLDA Đầu tư XD các Công trình Giao thông Đà Nẵng (*)	183.836.674	183.836.674
Công ty TNHH Công Viên Châu Á	-	158.936.222
Các khách hàng khác	370.001.028	229.068.651
<b>Cộng</b>	<b>1.023.684.485</b>	<b>1.041.688.330</b>

(\*) Đây là các công trình thi công tuyến ống cấp nước đang vướng mặt bằng chưa thi công được.

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2021		Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/12/2021	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	20.225.556.962	140.563.049	(4.926.856.967)	6.348.019.816	31.720.907.392	361.036.696
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	50.644.212.425	-	17.013.178.073	25.171.177.517	58.802.211.869	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	111.504.834	2.266.056.998	2.241.244.950	-	136.316.882
Thuế tài nguyên	-	400.676.850	2.722.189.580	2.872.993.940	-	249.872.490
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	6.439.549.510	7.561.346.435	1.121.796.925	-
Các loại thuế khác	-	-	582.537.553	582.537.553	-	-
Phí và lệ phí	-	3.572.783.252	59.039.943.016	59.068.487.768	-	3.544.238.500
<b>Cộng</b>	<b>70.869.769.387</b>	<b>4.225.527.985</b>	<b>83.136.597.763</b>	<b>103.845.807.979</b>	<b>91.644.916.186</b>	<b>4.291.464.568</b>

Số thuế phải nộp của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi và điều chỉnh khi có quyết định của Cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG**

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****Thuế giá trị gia tăng**

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các hoạt động áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Tập đoàn hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch thuộc lĩnh vực xã hội hóa vì thỏa mãn các yêu cầu về danh mục loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường theo quy định tại điểm 10, Mục VI, Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/05/2013 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Mục V, Danh mục loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường ban hành kèm theo quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ và phù hợp theo quy hoạch tại quyết định số 9018/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của UBND Thành phố Đà Nẵng. Theo quy định tại khoản 3, điều 11 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính quy định "3. Thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động áp dụng đối với: a) Phần thu nhập của doanh nghiệp từ hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao và môi trường, giám định tư pháp (sau đây gọi chung là lĩnh vực xã hội hoá). Theo đó Tập đoàn áp dụng thuế suất thuế TNDN 10% đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch sinh hoạt.

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế khác với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	136.797.596.783	160.760.563.993
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định	9.843.878.423	10.981.641.554
- Các khoản điều chỉnh tăng	9.843.878.423	10.981.641.554
+ Chi phí không hợp lệ (*)	1.714.051.498	989.823.827
+ Chênh lệch chi phí nước thô nộp về NN	8.078.474.846	9.948.494.719
+ Hoàn nhập dự phòng đầu tư vào công ty con	51.352.079	43.323.008
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	146.641.475.206	171.742.205.547
- Thu nhập từ ngành nước	123.048.465.526	138.556.845.714
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	15.514.534.834	23.236.865.114
- Thu nhập từ chênh lệch nước thô nộp về NN	8.078.474.846	9.948.494.719
Lỗi các năm trước được chuyển	51.352.079	69.383.008
Thu nhập tính thuế	146.590.123.127	171.672.822.539
- Thu nhập từ ngành nước	123.048.465.526	138.556.845.714
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	15.463.182.755	23.167.482.106
- Thu nhập từ chênh lệch nước thô nộp về NN	8.078.474.846	9.948.494.719
Thuế TNDN hiện hành	15.396.283.104	20.478.879.936
- Thu nhập từ ngành nước (10%)	12.303.646.553	13.855.684.571
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác (20%)	3.092.636.551	4.633.496.421
Thuế TNDN tương ứng với chênh lệch nước thô nộp hộ nhà nước (*)	1.615.694.969	1.989.698.944
Thuế TNDN thu người lao động do hoàn chi phí trẻ	1.200.000	-
Thuế TNDN hoãn lại tương ứng hoàn nhập dự phòng đầu tư vào công ty con	(10.270.416)	(8.664.601)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>15.396.283.104</b>	<b>18.489.180.992</b>

(\*) Đây là phần thuế TNDN tương ứng với chênh lệch chi phí nước thô được trích theo phê duyệt đơn giá nước tại Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 27/01/2014 và công văn số 344/STC-TCDN ngày 28/01/2022 nộp thay cho nhà nước không phải là chi phí thuế TNDN hiện hành của Tập đoàn.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Các loại thuế khác**

Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

**15. Phải trả người lao động**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Tiền lương phải trả	21.094.290.916	23.107.492.825
<b>Cộng</b>	<b><u>21.094.290.916</u></b>	<b><u>23.107.492.825</u></b>

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Cước tin nhắn	92.675.198	68.841.270
Chi phí sử dụng hóa đơn điện tử	370.854.230	364.705.623
Cước truyền số liệu	53.850.000	-
Phí thu hộ tiền nước	237.628.037	288.383.236
Lãi dự trả	151.638.000	83.525.000
Chi phí kiểm định đồng hồ	98.000.000	-
Chi phí nhân công thuê ngoài	-	200.000.000
Chi phí phải trả khác	50.414.954	6.500.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.055.060.419</u></b>	<b><u>1.011.955.129</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG**

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****17. Phải trả ngắn hạn khác****a. Ngắn hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>121.055.410.516</b>	<b>78.184.489.916</b>
Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng	121.055.410.516	78.184.489.916
- Tài sản nhận bàn giao từ ngân sách	90.535.834.864	54.127.696.839
- Phải nộp NSNN chênh lệch chi phí nước thô	14.421.575.652	7.958.793.077
- Phải trả ngân sách về vốn	16.098.000.000	16.098.000.000
<b>Các khoản phải trả, phải nộp khác</b>	<b>14.516.888.990</b>	<b>12.140.946.040</b>
Ban quản lý Dự án Cấp nước Thành phố Đà Nẵng	11.646.145.803	9.273.868.281
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng	1.221.614.989	1.221.614.989
Các đối tượng khác	1.649.128.198	1.645.462.770
<b>Cộng</b>	<b>135.572.299.506</b>	<b>90.325.435.956</b>

**b. Dài hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>128.784.446.164</b>	<b>144.882.446.164</b>
Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng	128.784.446.164	144.882.446.164
- Phải trả ngân sách về vốn	128.784.446.164	144.882.446.164
<b>Phải trả các đối tượng khác</b>	<b>5.591.380.433</b>	<b>4.600.258.060</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	5.591.380.433	4.600.258.060
<b>Cộng</b>	<b>134.375.826.597</b>	<b>149.482.704.224</b>

**18. Vay và nợ thuê tài chính****18a. Ngắn hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>31.201.247.040</b>	<b>31.201.247.040</b>	<b>23.949.280.625</b>	<b>23.949.280.625</b>
- Quỹ đầu tư Phát triển Thành phố Đà Nẵng	19.412.800.000	19.412.800.000	15.371.866.000	15.371.866.000
- Ngân hàng Phát triển Châu Á	996.949.040	996.949.040	1.008.488.888	1.008.488.888
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	4.512.004.000	4.512.004.000	5.563.031.000	5.563.031.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	5.056.336.000	5.056.336.000	2.005.894.737	2.005.894.737
- NH TNHH MTV ShinHan Việt Nam - CN Đà Nẵng	1.223.158.000	1.223.158.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>31.201.247.040</b>	<b>31.201.247.040</b>	<b>23.949.280.625</b>	<b>23.949.280.625</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG**

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****18b. Dài hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay dài hạn</b>	<b>350.583.919.736</b>	<b>350.583.919.736</b>	<b>246.792.531.533</b>	<b>246.792.531.533</b>
- Quỹ đầu tư Phát triển Thành phố Đà Nẵng	174.733.688.065	174.733.688.065	135.706.186.065	135.706.186.065
- Ngân hàng Phát triển Châu Á	15.950.989.559	15.950.989.559	17.145.830.316	17.145.830.316
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	24.913.727.618	24.913.727.618	25.260.527.163	25.260.527.163
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	83.638.717.356	83.638.717.356	56.910.199.464	56.910.199.464
- NH TNHH MTV ShinHan Việt Nam - CN Đà Nẵng	51.346.797.138	51.346.797.138	11.769.788.525	11.769.788.525
<b>Cộng</b>	<b>350.583.919.736</b>	<b>350.583.919.736</b>	<b>246.792.531.533</b>	<b>246.792.531.533</b>
<b>Trong đó</b>				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	31.201.247.040			23.949.280.625
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>319.382.672.696</b>			<b>222.843.250.908</b>

**a. Vay Quỹ Đầu tư Phát triển Thành phố Đà Nẵng theo các hợp đồng tín dụng sau:**

- Hợp đồng tín dụng số 09/2018/HĐTĐ ngày 24/10/2018, thực hiện dự án “Nâng công suất Nhà máy nước Cầu Đỏ thêm 120.000m<sup>3</sup>/ngày; Phân kỳ I: Nâng công suất thêm 60.000m<sup>3</sup>/ngày”. Hạn mức vay 146.500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 năm. Lãi suất vay 7%/năm, được điều chỉnh mức lãi suất theo Quyết định về lãi suất của bên cho vay ban hành từng thời điểm, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay: Công trình xây dựng và máy móc thiết bị đã đầu tư và tài sản hình thành trong tương lai của dự án. (Xem thuyết minh số V.9, V.10)
- Hợp đồng tín dụng số 01/2019/HĐTĐ ngày 14/01/2019, thực hiện dự án “Nhà máy nước hồ Hòa Trung công suất 10.000m<sup>3</sup>/ngày. Hạn mức vay 56.500.000.000 đồng, thời hạn vay 10 năm. Lãi suất vay 7%/năm, được điều chỉnh mức lãi suất theo Quyết định về lãi suất của bên cho vay ban hành từng thời điểm, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay: Hệ thống các tuyến ống cấp nước trên địa bàn thành phố đã đầu tư và tài sản hình thành trong tương lai của dự án. (xem thuyết minh số V.9, V.11)
- Hợp đồng tín dụng số 14/2020/HĐTĐ ngày 19/08/2020, thực hiện dự án “Nâng công suất Nhà máy nước Cầu Đỏ từ 230.000 m<sup>3</sup>/ngày lên 290.000 m<sup>3</sup>/ngày”. Hạn mức vay 78.000.000.000 đồng, thời hạn vay 144 tháng. Lãi suất vay 7%/năm, được điều chỉnh mức lãi suất theo Quyết định về lãi suất của bên cho vay ban hành từng thời điểm, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản hình thành trong tương lai của dự án. (xem thuyết minh số V.9, V.11)

- b. Vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) theo hợp đồng vay phụ giữa Bộ Tài chính và Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng ngày 29/07/2013, thực hiện dự án “Mở rộng hệ thống cấp nước Đà Nẵng giai đoạn 2012 – 2018”. Hạn mức vay 30.000.000 USD, thời hạn vay tối đa 25 năm. Lãi suất vay LIBOR thời hạn 6 tháng cộng với 0,5%/năm, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay: đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. (Xem thuyết minh số V.11)

- c. Vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng theo các hợp đồng tín dụng sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG**

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Hợp đồng tín dụng số 01/2019/257027/HĐTD ngày 09/09/2019 để thực hiện cải tạo tuyến ống xi phong phòng mặn qua sông Cầu Đò. Hạn mức vay 10.935.000.000 đồng, thời hạn vay 5 năm. Lãi suất vay 8,5%/năm trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất sau điều chỉnh bằng lãi suất thả nổi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau + biên độ 3,3%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần vào ngày 01 của tháng đầu tiên của kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành trong tương lai. (xem thuyết minh số V.11)
  - Hợp đồng tín dụng số 02/2019/257027/HĐTD ngày 20/09/2019 để thực hiện lắp đặt tuyến ống Siphon D900HDPE qua Sông Hàn. Hạn mức vay 10.847.000.000 đồng, thời hạn vay 5 năm. Lãi suất vay 8,5%/năm trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất sau điều chỉnh bằng lãi suất thả nổi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau + biên độ 3,3%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần vào ngày 01 của tháng đầu tiên của kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành trong tương lai. (xem thuyết minh số V.11).
  - Hợp đồng tín dụng số 01/2020/257027/HĐTD ngày 21/08/2020 để thực hiện đầu tư công trình tuyến ống cấp nước D600DI đường Hồ Xuân Hương. Hạn mức vay 2.565.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất vay 9%/năm trong 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất sau điều chỉnh bằng lãi suất thả nổi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau + biên độ 3,3%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần vào ngày 01 của tháng đầu tiên của kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành trong tương lai. (xem thuyết minh số V.11)
  - Hợp đồng tín dụng số 02/2020/257027/HĐTD ngày 16/09/2020 để thực hiện Đầu tư xây dựng công trình Tuyến ống cấp nước D500; D400 DI đường Võ Nguyên Giáp - Hoàng Sa (đoạn từ đường Hồ Xuân Hương đến Nguyễn Phan Vinh). Hạn mức vay 24.623.000.000 đồng, thời hạn vay 10 năm. Lãi suất vay 9%/năm cố định trong 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất sau điều chỉnh bằng lãi suất thả nổi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn cá nhân 24 tháng trả lãi sau + biên độ 3,3%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần vào ngày 01 của tháng đầu tiên của kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành trong tương lai. (xem thuyết minh số V.11)
- d. Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Đà Nẵng theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 63/2020/VCB-KHDN ngày 03/08/2020 để đầu tư thực hiện dự án “Tuyến ống cấp nước D400 DI đường Võ Nguyên Giáp – Trường Sa (đoạn từ Hồ Xuân Hương đến Võ Quý Huân). Hạn mức vay 38.112.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng. Lãi suất vay: Đối với 2 năm đầu kể từ ngày giả ngân lần đầu tiên: Lãi suất vay = Lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau áp dụng cho khách hàng cá nhân của ngân hàng + 1,8%/năm; Lãi suất đối với thời gian vay còn lại: Lãi suất vay = Lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau áp dụng cho khách hàng cá nhân của ngân hàng + 2,8%/năm, thời hạn điều chỉnh lãi suất vay 6 tháng 01 lần vào ngày 26/6 và 26/12 hàng năm, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành trong tương lai. (xem thuyết minh số V.11).
  - Hợp đồng tín dụng số 93/2020/VCB-KHDN ngày 22/10/2020 để đầu tư thực hiện dự án “Đầu tư công trình Tuyến ống cấp nước D1200 DI, D1000 DI, D800 DI đường Thăng Long (đoạn từ nhà máy nước Cầu Đò đến cầu Tuyên Sơn). Hạn mức vay 156.300.000.000 đồng, thời hạn vay 144 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn đầu tiên. Lãi suất vay: Đối với 2 năm đầu kể từ ngày giả ngân lần đầu tiên: Lãi suất vay = Lãi suất cơ sở + 1,2%/năm; đối với 2 năm tiếp theo: Lãi suất vay = Lãi suất cơ sở + 1,8%/năm; đối với thời gian vay còn lại: Lãi suất vay = Lãi suất cơ sở + 2%/năm, (trong đó lãi suất cơ sở = Lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau áp dụng cho khách hàng cá nhân của ngân hàng), thời hạn điều chỉnh lãi suất vay 6 tháng 01 lần vào ngày 26/6 và 26/12 hàng năm, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành trong tương lai. (xem thuyết minh số V.11).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG**

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

e. Vay ngân hàng TNHH MTV ShinHan Việt Nam – CN Đà Nẵng theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số SHBVN/ĐN/CR/HĐTD-001 ngày 11/12/2020 để thực hiện dự án "Tuyến ống cấp nước D1200 DI, D800 DI Hòa Liên (đoạn từ nhà máy nước Hòa Liên đến đường số 2 Khu công nghiệp Hòa khánh). Hạn mức vay 136.218.000.000 đồng, thời hạn vay 12 năm. Lãi suất vay 4 năm đầu tiên áp dụng lãi suất tham chiếu + biên độ 0,8%/năm, 08 năm tiếp theo áp dụng lãi suất tham chiếu + biên độ 0,9%/năm, việc thực hiện điều chỉnh lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần trong suốt thời gian vay, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi suất tham chiếu là lãi suất bình quân tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng áp dụng cho khách hàng cá nhân của bốn (04) ngân hàng bao gồm: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam được công bố. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành trong tương lai. (xem thuyết minh số V.11)
- Hợp đồng tín dụng số SHBVN/ĐN/CR/HĐTD-002 ngày 13/12/2021 để thực hiện dự án "Nâng công suất trạm bơm phòng mặn An Trạch từ 210.000m<sup>3</sup>/ngày đêm lên 420.000m<sup>3</sup>/ngày đêm". Hạn mức vay 220.206.000.000 đồng, thời hạn vay 12 năm. Lãi suất vay áp dụng lãi suất tham chiếu + biên độ 0,5%/năm, việc thực hiện điều chỉnh lãi suất được thực hiện 03 tháng/lần trong suốt thời gian vay, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Lãi suất tham chiếu là lãi suất bình quân tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng áp dụng cho khách hàng cá nhân của bốn (04) ngân hàng bao gồm: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam được công bố. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành trong tương lai. (xem thuyết minh số V.11)

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	31/12/2021	01/01/2021
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.540.246.914	5.166.882.198
Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	283.500.000	119.508.000
<b>Cộng</b>	<b>3.823.746.914</b>	<b>5.286.390.198</b>

**Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm**

	01/01/2021	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2021
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.166.882.198	9.712.188.187	(11.338.823.471)	3.540.246.914
Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	119.508.000	567.000.000	(403.008.000)	283.500.000
<b>Cộng</b>	<b>5.286.390.198</b>	<b>10.279.188.187</b>	<b>(11.741.831.471)</b>	<b>3.823.746.914</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG**

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****20. Vốn chủ sở hữu****20a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn CP	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2020	579.640.610.000	8.993.538.265	20.332.152.122	157.570.158.315	766.536.458.702
Tăng trong năm	-	-	38.820.764.782	142.280.047.603	181.100.812.385
Giảm trong năm	-	-	-	(164.407.504.952)	(164.407.504.952)
Số dư tại 31/12/2020	<u>579.640.610.000</u>	<u>8.993.538.265</u>	<u>59.152.916.904</u>	<u>135.442.700.966</u>	<u>783.229.766.135</u>
Số dư tại 01/01/2021	579.640.610.000	8.993.538.265	59.152.916.904	135.442.700.966	783.229.766.135
Tăng trong năm	-	-	6.000.000.000	121.411.584.095	127.411.584.095
Giảm trong năm	-	-	-	(130.468.388.357)	(130.468.388.357)
Số dư tại 31/12/2021	<u>579.640.610.000</u>	<u>8.993.538.265</u>	<u>65.152.916.904</u>	<u>126.385.896.704</u>	<u>780.172.961.873</u>

**20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND
Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng	60,08	348.242.170.000	60,08	348.242.170.000
Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng Miền Trung	35,00	202.867.440.000	35,00	202.867.440.000
Các cổ đông khác	4,92	28.531.000.000	4,92	28.531.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00</b>	<b>579.640.610.000</b>	<b>100,00</b>	<b>579.640.610.000</b>

**20c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	135.442.700.966	157.570.158.315
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận năm trước	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	121.411.584.095	142.280.047.603
Phân phối lợi nhuận	130.468.388.357	164.407.504.952
Phân phối lợi nhuận năm trước	78.300.733.457	112.239.850.052
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	9.712.188.187	10.800.000.000
- Trích quỹ Ban quản lý điều hành	567.000.000	597.540.000
- Chia cổ tức bằng tiền	62.021.545.270	62.021.545.270
- Quỹ đầu tư phát triển	6.000.000.000	38.820.764.782
Phân phối lợi nhuận năm nay (chia cổ tức)	52.167.654.900	52.167.654.900
<b>Cộng</b>	<b>126.385.896.704</b>	<b>135.442.700.966</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG**  
Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**20d. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	579.640.610.000	579.640.610.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	579.640.610.000	579.640.610.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	114.189.200.170	114.189.200.170

**20e. Cổ phiếu**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57.964.061	57.964.061
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	57.964.061	57.964.061
- Cổ phiếu thường	57.964.061	57.964.061
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.964.061	57.964.061
- Cổ phiếu thường	57.964.061	57.964.061
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**21. Tài khoản ngoài bảng**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Ngoại tệ các loại (USD)	12.535,12	12.548,32
Nợ khó đòi đã xử lý	249.972.095	255.615.350

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (đơn vị tính: VNĐ)**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu ngành nước	461.280.074.079	485.776.201.647
Doanh thu các hoạt động khác	6.026.706.616	5.538.476.016
<b>Cộng</b>	<b><u>467.306.780.695</u></b>	<b><u>491.314.677.663</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG**  
 Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn ngành nước	263.222.272.245	255.335.854.883
Giá vốn các hoạt động khác	4.103.363.550	3.279.423.038
<b>Cộng</b>	<b><u>267.325.635.795</u></b>	<b><u>258.615.277.921</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.670.045.632	29.158.609.442
Lãi chênh lệch tỷ giá	354.385.857	300.382.335
<b>Cộng</b>	<b><u>21.024.431.489</u></b>	<b><u>29.458.991.777</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	11.664.724.978	6.419.322.254
Phân bổ chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư	3.944.774.884	3.944.774.884
Lỗ chênh lệch tỷ giá	78.741.408	362.810.915
<b>Cộng</b>	<b><u>15.688.241.270</u></b>	<b><u>10.726.908.053</u></b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	6.714.401.336	10.373.199.634
Chi phí nhân viên bán hàng	23.128.835.411	25.867.696.443
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	229.500.000	189.612.845
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.391.104.331	4.104.454.963
Chi phí khác bằng tiền	3.251.988.836	2.006.754.707
<b>Cộng</b>	<b><u>36.715.829.914</u></b>	<b><u>42.541.718.592</u></b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	383.559.579	397.686.735
Chi phí nhân viên quản lý	24.666.078.396	26.430.485.548
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.835.777.394	2.977.641.890
Dự phòng phải thu khó đòi	788.540.506	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.441.688.967	16.764.141.180
Chi phí bằng tiền khác	6.352.242.853	5.927.533.650
<b>Cộng</b>	<b><u>42.467.887.695</u></b>	<b><u>53.781.952.918</u></b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hoàn nhập quỹ phát triển KHCN	9.184.664.160	1.554.577.990
Thu bồi thường	80.082.540	319.900.000
Giá dịch vụ thoát nước để lại phục vụ công tác thu	2.235.098.089	2.844.973.930
Thu tiền sang tên ký lại hợp đồng	-	2.145.455
Xử lý tiền ký quỹ tiền nước không xác định được đối tượng	-	587.275.732
Thu nhập khác	66.079.863 #	373.753.883
<b>Cộng</b>	<b><u>11.565.924.652</u></b>	<b><u>5.682.626.990</u></b>

**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
GTCL của tài sản cố định hỏng	76.813.660	29.874.953
Xử lý công trình tồn đọng	206.420.228	-
Phạt về khai thác nước và chậm nộp thuế	612.631.491	-
Chi phí khác	6.080.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>901.945.379</u></b>	<b><u>29.874.953</u></b>

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	121.411.584.095	142.280.047.603
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(10.279.188.187)
- LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	121.411.584.095	132.000.859.416
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	57.964.061	57.964.061
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu) (*)</b>	<b><u>2.095</u></b>	<b><u>2.277</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG**

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	57.964.061	57.964.061
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)</b>	<b>57.964.061</b>	<b>57.964.061</b>

**10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	121.411.584.095	132.000.859.416
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
+ Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	57.964.061	57.964.061
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu) (*)</b>	<b>2.095</b>	<b>2.277</b>

(\*) Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2021 được tính theo lợi nhuận sau thuế chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi (do Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên chưa quy định cụ thể tỷ lệ trích các quỹ này). Căn cứ vào kết quả kinh doanh cuối năm, Hội đồng Quản trị sẽ dự kiến trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi và trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	54.881.680.220	56.583.391.227
Chi phí nhân công	105.892.789.783	122.463.269.599
Chi phí khấu hao tài sản cố định	69.664.475.416	67.756.828.234
Chi phí dịch vụ mua ngoài	98.558.860.248	97.341.523.064
Chi phí khác	34.525.155.288	10.135.125.297
<b>Cộng</b>	<b>363.522.960.955</b>	<b>354.280.137.421</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (đơn vị tính: VNĐ)**

**1. Tiền thu từ đi vay**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	126.463.920.510	105.736.021.620
<b>Cộng</b>	<b><u>126.463.920.510</u></b>	<b><u>105.736.021.620</u></b>

**2. Tiền trả nợ gốc vay**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền chi các khoản đi vay theo kế ước thông thường	22.399.186.888	19.917.986.765
<b>Cộng</b>	<b><u>22.399.186.888</u></b>	<b><u>19.917.986.765</u></b>

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Đơn vị tính: VNĐ)**

**1. Các bên liên quan**

**1.a Các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ủy Ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng	Bên đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng - Miền Trung	Bên đầu tư

**1.b Giao dịch với các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ủy Ban Nhân dân TP Đà Nẵng		
- Nhận Bàn giao TSCĐ	36.408.138.025	8.022.376.000
- Chênh lệch chi phí nước thô phát sinh	8.078.474.846	9.948.494.719
- Chia cổ tức	68.603.707.490	68.603.707.490

**1c. Số dư với các bên liên quan**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Ủy Ban Nhân dân TP Đà Nẵng		
- Tài sản nhận bàn giao từ ngân sách	90.535.834.864	54.127.696.839
- Chênh lệch chi phí nước thô	14.421.575.652	7.958.793.077
- Phải trả ngân sách về vốn	144.882.446.164	160.980.446.164

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG**  
Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**1.d Thu nhập của Ban điều hành**

STT	Ban QLĐH	Chức danh	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021		
			Tiền lương	Thù lao	Cộng
1	Hồ Hương	Chủ tịch HĐQT	698.400.000	-	698.400.000
2	Đặng Thanh Bình	Thành viên HĐQT	-	84.000.000	84.000.000
3	Nguyễn Trường Ánh	Thành viên HĐQT	-	84.000.000	84.000.000
4	Nguyễn Thị Thu Hà	Trưởng Ban kiểm soát	604.800.000	-	604.800.000
5	Phạm Thị Quế Chi	Thành viên BKS	410.400.000	-	410.400.000
6	Võ Thị Hòa	Thành viên BKS	-	66.000.000	66.000.000
7	Hồ Minh Nam	Tổng Giám đốc	619.200.000	-	619.200.000
8	Trần Phước Thương	Phó Tổng Giám đốc	604.800.000	-	604.800.000
9	Lê Đức Quý	Phó Tổng Giám đốc	720.000.000	-	720.000.000
10	Phan Thịnh	Kế toán trưởng	604.800.000	-	604.800.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>4.262.400.000</b>	<b>234.000.000</b>	<b>4.496.400.000</b>

STT	Ban QLĐH	Chức danh	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020		
			Tiền lương	Thù lao	Cộng
1	Hồ Hương	Chủ tịch HĐQT	691.200.000	-	691.200.000
2	Đặng Thanh Bình	Thành viên HĐQT	-	84.000.000	84.000.000
3	Nguyễn Trường Ánh	Thành viên HĐQT	61.200.000	56.000.000	117.200.000
4	Thái Văn Thành	Thành viên HĐQT	-	14.000.000	14.000.000
5	Nguyễn Thị Thu Hà	Trưởng Ban kiểm soát	604.800.000	-	604.800.000
6	Phạm Thị Quế Chi	Thành viên BKS	410.400.000	-	410.400.000
7	Võ Thị Hòa	Thành viên BKS	-	66.000.000	66.000.000
8	Hồ Minh Nam	Tổng Giám đốc	604.800.000	-	604.800.000
9	Trần Phước Thương	Phó Tổng Giám đốc	604.800.000	-	604.800.000
10	Lê Đức Quý	Phó Tổng Giám đốc	720.000.000	-	720.000.000
11	Phan Thịnh	Kế toán trưởng	604.800.000	-	604.800.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>4.302.000.000</b>	<b>220.000.000</b>	<b>4.522.000.000</b>

	Năm nay	Năm trước
Tiền thưởng Ban QLĐH	403.008.000	688.347.980
Cổ tức	73.087.000	73.087.000
<b>Cộng</b>	<b>476.095.000</b>	<b>761.434.980</b>

**2. Thông tin về bộ phận**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực này thì Tập đoàn cần lập Báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn có thể tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là sản xuất và kinh doanh ngành nước và trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG**

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****3. Tài sản đảm bảo**

Tập đoàn đã cầm cố thế chấp TSCĐ hữu hình và tài sản đang đầu tư xây dựng cơ bản dở dang của mình để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng (xem thuyết minh số V.18). Giá trị còn lại của tài sản thế chấp tại ngày 31/12/2021 là 36.411.749.246 đồng và giá trị đầu tư xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2021 là 274.188.805.773 đồng.

**4. Số liệu so sánh**

Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Vietvalues. Một số chỉ tiêu được điều chỉnh hồi tố, cụ thể:

**Chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán**

Tại ngày 31/12/2020

STT	Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2020 trước điều chỉnh	01/01/2021 sau điều chỉnh	Chênh lệch	Ghi chú
1	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10.582.859	50.644.212.425	50.633.629.566	(1)
2	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10.733.865.928	4.225.527.985	-6.508.337.943	(1)
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	78.300.733.457	135.442.700.966	57.141.967.509	(1)

Tại ngày 31/12/2019

STT	Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2019 trước điều chỉnh	01/01/2020 sau điều chỉnh	Chênh lệch	Ghi chú
1	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	1.369.394.135	34.831.247.840	33.461.853.705	(2)
2	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17.259.119.544	7.305.022.006	-9.954.097.538	(2)
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	114.154.207.072	157.570.158.315	43.415.951.243	(2)

**Chỉ tiêu trên kết quả hoạt động kinh doanh**

Năm 2020

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2020 trước điều chỉnh	Năm 2020 sau điều chỉnh	Chênh lệch	Ghi chú
1	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32.215.197.258	18.489.180.992	-13.726.016.266	(3)
2	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	128.554.031.337	142.280.047.603	13.726.016.266	(3)

Năm 2019

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2019 trước điều chỉnh	Năm 2019 sau điều chỉnh	Chênh lệch	Ghi chú
1	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	41.056.067.228	23.896.100.402	-17.159.966.826	(3)
2	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	163.639.889.036	180.799.855.862	17.159.966.826	(3)

Công ty được hưởng ưu đãi về thuế TNDN liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch thuộc lĩnh vực xã hội hóa do thỏa mãn các yêu cầu về danh mục loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường theo quy định tại điểm 10 Mục VI Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/05/2013 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Mục V Danh mục loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường ban hành kèm theo quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ và phù hợp theo quy hoạch tại quyết định số 9018/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của UBND Thành phố Đà Nẵng.

Theo quy định tại tiết đ, khoản 3, điều 10, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính quy định “đ) *Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa được thành lập do chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật đáp ứng tiêu chí về cơ sở xã hội hóa theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ mà doanh nghiệp trước khi chuyển đổi chưa được hưởng ưu đãi thuế*

thu nhập doanh nghiệp theo lĩnh vực ưu đãi thuế thì được hưởng ưu đãi thuế như dự án đầu tư mới kể từ khi chuyển đổi”.

Theo quy định tại khoản 3, điều 11 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính quy định “3. Thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động áp dụng đối với: a) Phần thu nhập của doanh nghiệp từ hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao và môi trường, giám định tư pháp (sau đây gọi chung là lĩnh vực xã hội hoá).

(1) Tập đoàn áp dụng thuế suất thuế TNDN đối với ngành kinh doanh nước sạch sinh hoạt, theo đó số thuế TNDN phải nộp của ngành nước được xác định lại 10% thay vì 20% như đã xác định các năm trước cho thời kỳ từ sau khi cổ phần hóa. Theo đó chi phí thuế TNDN hiện hành từ tháng 11/2016 đến 31/12/2020 giảm đi 57.141.967.509 đồng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng lên 57.141.967.509 đồng, và số thuế TNDN phải nộp giảm tương ứng.

(2) Tập đoàn áp dụng thuế suất thuế TNDN đối với ngành kinh doanh nước sạch sinh hoạt, theo đó số thuế TNDN phải nộp của ngành nước được xác định lại 10% thay vì 20% như đã xác định các năm trước cho thời kỳ từ sau khi cổ phần hóa. Theo đó chi phí thuế TNDN hiện hành từ tháng 11/2016 đến 31/12/2019 giảm đi 43.415.951.242 đồng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng lên 43.415.951.242 đồng, và số thuế TNDN phải nộp giảm tương ứng.

(3) là chi phí thuế TNDN giảm của ngành nước do áp dụng thuế suất ưu đãi 10% thay vì 20% như trước đây dẫn đến chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế từng năm tăng lên tương ứng.

#### 5. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có yếu tố nào đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Tập đoàn và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Tập đoàn.

#### 5. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 03 năm 2022



**PHẠM HỒNG MINH**  
Người lập biểu



**PHAN THỊNH**  
Kế toán trưởng



**HỒ MINH NAM**  
Tổng Giám đốc



